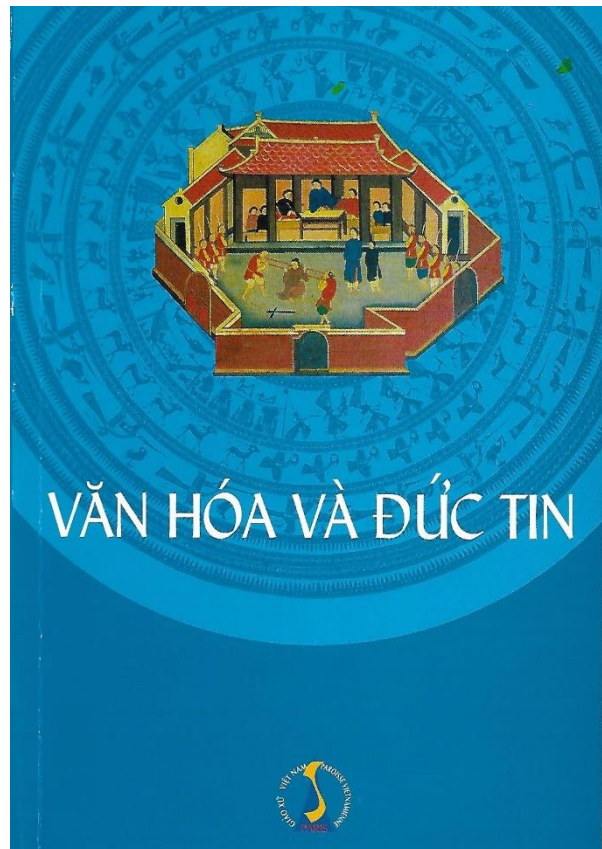


ĐÓNG GÓP CỦA THƠ CÔNG GIÁO VÀO VIỆC TRUYỀN BÁ TIN MỪNG

PHẠM BÁ NHA



ĐÓNG GÓP CỦA THƠ CÔNG GIÁO VÀO VIỆC TRUYỀN BÁ TIN MỪNG

Tín ngưỡng và tôn giáo là hai yếu tố cấu thành nền văn minh nhân loại. Tức là có loài người là có tín ngưỡng và tôn giáo. Văn minh Kitô giáo có chỗ đứng riêng và đóng góp một phần quan trọng trong lịch sử con người.

Giáo Hội luôn thích nghi văn hóa. Theo truyền thống này, Giáo Hội Việt Nam từ khi khai sinh đã thích nghi văn hóa Việt Nam và đổi mới con người. Tại Việt Nam, đã 470 năm (1533-2003), qua nhiều hoàn cảnh khác nhau, những sáng tác văn chương về thơ không ngừng phát triển. Thi phú Công Giáo Việt Nam thích nghi hòa hợp giáo lý với nền văn hóa dân tộc. Tinh hoa của Đạo và dân tộc hài hòa thành nền văn hóa dân tộc muôn màu muôn sắc đẹp tươi, tạo thành con người Công Giáo Việt Nam hoàn hảo.

Dưới đây thử tìm xem từ thời kỳ sơ khởi, bước qua giai đoạn nhiều nhà thơ có tên tuổi, và ngay trong thời đại ngày nay, những thi sỹ công giáo đã dùng ngòi bút của mình đang minh họa tư tưởng cho việc truyền bá đức tin. Hay nói đúng hơn các thi sỹ đã dùng lời thơ để thể hiện Lời Chúa, hướng dẫn người khác sống và trung thành với đức tin. Lời thơ của các thi sỹ được mọi giới trân trọng đón nhận.

I. GIAI ĐOẠN KHỞI ĐẦU

Có thể nói thi ca công giáo nảy sinh từ thế kỷ XVII. Ban đầu, các nhà truyền giáo và các giáo sỹ Việt Nam đã dùng văn tự sẵn có tại nơi mình đến để diễn đạt tư tưởng mới về giáo lý cho giáo dân bình dân dễ đọc, dễ hiểu. Ngôn ngữ văn tự cũ lúc bấy giờ của chúng ta là chữ Nôm và chữ Hán. Thể văn dễ thu hút đối với người dân là Ca vè, Văn (dâng hoa), Tuồng, Chèo và Thơ Lục bát. Lời văn dùng trong các loại “thơ dân gian” này đơn sơ mộc mạc đi sát với sinh hoạt đời sống và phong tục hay tín ngưỡng. Điểm cần ghi nhận là thời kỳ này đạo Công Giáo được coi là “tà đạo” nên bị cấm truyền giảng. Vì thế những bài ca văn thơ càng bị cấm đoán và lưu hành. Những loại thi ca dân gian truyền khẩu này rất nhiều chứa đựng trong các bài văn, quan họ, trống quân, hát đố, ví von...

1. THẦY GIẢNG PHANXICÔ (? - 1640)

Phanxicô trước là vị sư, đậu tiến sỹ và được bổ làm quan trong triều. Năm 1632, được giáo sỹ Dòng Tên Jeronimô Majorica rửa tội và đặt tên là Phanxicô. Phanxicô là một khoa bảng lỗi lạc đã viết tới 40 cuốn sách đạo bằng chữ Nôm. Năm 1640, Thầy bị bắt và được phúc tử đạo. Nền sách vở của ngài bị cấm ngặt lưu hành. Tại các nhà thờ giáo phận Bùi Chu, Bắc Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, người ta hát và lưu truyền bài Văn Tế Cầu Hồn, bằng chữ Nôm. Dưới đây là phần một bản dịch tiếng Việt:

*Tấu lạy!
Chúa thật chí tôn, chín tầng trời cao ngự trị
Người phạm hèn, muôn loài đất thấp sinh thành,
Soi xét chẳng sai,
Chờ che không sót.
Bày tôi thiết nghĩ:
Cội rễ khôn thiêng,
Hồn mang mới mở.
Từ cõi hoang vu mà tạo dựng,
Dùng diệu pháp để thi hành.
Chúa Cha toàn năng hóa sinh trời đất vạn vật, nhân loại.
Chúa Con duy nhất giáng trần chịu khổ chịu nạn, chịu chết.
Cho linh hồn được sung mãn,
Cho đức nghĩa được siêu nhiên?
Vinh quang Thánh Thần
Hiện thân sáng láng.
Phân định Ba Ngôi tuy khác,
Hợp lại nhất thể như nhau.
Một trí một thảo một tài cùng nhau không khác,
Rất lành, rất nhân, rất đẹp thật rất linh thông.*

*(Xin đọc nguyên bài trong "Công Giáo Việt Nam trong truyền thống văn hóa dân tộc".
PETRUS VŨ ĐÌNH TRÁC, Orange. CA. 1996. tr. 64)*

2. CÔNG CHÚA CATARINA

Công chúa Catarina em chúa Trịnh Tráng (1576-1657) sau khi được rửa tội đã lôi cuốn và khuyên dụ được 17 người trong hoàng cung trở lại. Trong đó có mẹ công chúa. Mẹ nàng là người rất sùng đạo Phật và là người đứng đầu các sư sãi. Chính bà khuyên nhiều cung nữ và dạy giáo lý cho các cô này. Công chúa Catarina rất nhiệt thành trong việc giúp đỡ người khác trở lại với Đức Tin. Bà là người có óc nghệ thuật và tài thơ văn và đem tài nghệ này phục vụ Giáo Hội. Bà đã viết tập văn bằng chữ Nôm về “Lịch sử Giáo Hội”. Nội dung trình bày hai phần. Phần đầu: Từ khi Thiên Chúa tạo dựng trời đất. Chúa Giêsu xuống thế cứu chuộc nhân loại và cuộc đời Chúa Giêsu nơi trần gian và cuộc tử nạn trên thập giá. Cuộc phục sinh khai hoàn và lên trời hiển vinh của Chúa Cứu Thế. Phần hai nói về cuộc hành trình truyền giáo của các Cha dòng Tên tại Tonkin.

Thơ văn của bà được các tín hữu ham mộ và chuyên đọc. Họ ngâm đọc trong gia đình, trong khi làm việc và cả khi ra ngoài đồng hay khi đi đường. Các nhạc sỹ đã dùng lời thơ của bà để phổ nhạc. Nhiều người lương cũng mê thích những bài văn của bà. Nhờ vậy mà nhiều người trở lại đạo. Có thể nói công chúa Catarina là người sáng tác thơ công giáo đầu tiên.

(Nguyễn Hồng. *Lịch sử truyền giáo Việt Nam, Q I, tr. 118*)
DCÁC. 7/1997, tr. 52.)

3. GIÁO SỸ LỮ Y ĐOAN (+ 1678)

Lữ Y Đoan tên là Louis Đoan, trước là thầy giảng, thụ phong linh mục năm 1776. Ngài đã cùng với Philippê Minh giúp Đức Cha Taberd biên soạn tự điển “*Nam Việt Dương Hiệp*”. Riêng ngài đã phỏng dịch (không đúng nguyên văn) 5 cuốn đầu trong Bộ Kinh Thánh: *Sáng Thế Ký, Xuất Hành, Giáo Sĩ, Dân Số Ký và Nhị Luật*. Tập *Sáng Thế Ký* viết bằng chữ Nôm, gồm 3596 câu thơ Lục Bát. Và đây là 12 câu mở đầu:

*Hằng sinh Thượng Đế đại quyền,
Tự không sáng tạo phán truyền hoằng khai:
Cần khôn bỗng chốc phôi thai,
Hư hư hàn vũ, dầy dầy u minh.
Thánh Thần sinh hóa vận trình,
Đột nhiên quang ảnh lộ hình khắp nơi.
Ban khen trong sáng tuyết vời,
Liên phân lưỡng vực muôn đời đối nhau.
Gọi ngày dương khí lâu lâu,
Gọi đêm âm khí phủ bao mịt mờ.
Hoàng hôn chuyển tiếp minh sơ,
Chu kỳ thứ nhất, thiên cơ ứng hành.*

4. LINH MỤC ĐẶNG ĐỨC TUẤN (Bình Định 1830 ? - 1912 ?)

Tây truyện. Văn tế Đức Cha Thế. Văn tế giáo nhân bị giết vì Đạo. Khuyến giáo dân.

Tập thơ *Tự tích việc Đạo* nước Nam gồm 630 câu lục bát, đôi khi chen thất ngôn. Đây là một đoạn.

*Làm cho xao xác trong đời,
Rung động đất nước, đời đời gió trăng.
Núi Ái Vân khoái giảng mấy khúc,
Cõi Đông Nai gió thúc ngàn sâu.
Khôn cùng mọi nỗi lo âu,
Một mình ở giữa hai đầu bằng nhau.
Nghĩ suy mà sợ ngày sau,
Bá từng đã đốn, sậy lau nào chừa.
Ngạn rằng quạ quạ ăn dưa,
Bất cò phơi nắng, người xưa để lời.
Canh giam nghiêm nhặt khắp nơi,
Giữa đường mang ách lạ đời oan xương.
Giữa đường mang ách, ách như không,
Ách tức lạ đời, ách quá xưng.
Kẻ ở Tây dương qua bắn súng,
Người ở Nam Việt lại mang gông.
Trời cao cổ vắn kêu không thấu,
Lẽ vậy, tình ngay phải xét công.
Đông đạo nào hề đông chước móc,
Khóc trời, khóc biển, khóc tây đông.*

5. DANH SỸ PHẠM TRẠCH THIÊN (Nam Định 1823 ?)

Đặng Đức Tuấn sinh khoảng 1830, tại Quy Hòa, Bồng Sơn, Bình Định. Từ nhỏ, thông minh tuấn tú nhưng không từ chương. Năm 22 tuổi được mời dạy học chữ Hán cho chủng viện Penang, Mã Lai. Tuấn học thêm tiếng Anh, Pháp, Latinh và thu thập nhiều kiến thức đạo đức. Từ đây Thầy theo tiếng gọi của Chúa, đi tu. Thầy được gọi về

VN, thụ phong linh mục ở Gò Thị và phục vụ tại Quảng Ngãi. Năm 1861, có lệnh cấm đạo, cha bị bắt tại Mộ Đức, và lục soát được bản điều trần *Minh đạo bình Tây* (đường lối đánh giặc Tây). Trước mặt vua Tự Đức, cha trình bày về nội dung bản điều trần: *không theo Tây, không làm phản, không tôn thờ dị đoan*. Vua đặc ý tha ngài, lại tặng thưởng và ra lệnh viết thêm bản khác biện minh cho đạo. Cha viết bản *Khất xá Thiên giáo nhân* (xin tha những người theo đạo Thiên Chúa bị tù đầy oan uổng) và bản *Nguyên Đạo* (nguồn gốc Đạo). Đọc xong hai bản này vua muốn lưu ngài vào kinh bàn quốc sự và văn chương, nhưng ngài từ chối. Năm 1912 (?) cha qua đời trong chức vụ quản nhiệm xứ Tân Lộc.

Ngoài ba bài điều trần trên, cha Đặng Đức Tuấn còn viết các tác phẩm, như: *Sự tích về việc Đạo nước Nam. Tự thuật việc bị bắt và điều trần. Giải sâu ca. Thân hào sát tả bình* Phạm Trạch Thiện sinh khoảng 1823, tại Cốc Thành, Nam Trực, Nam Định. Từ thiếu thời có tiếng văn hay chữ tốt. Vì là người công giáo, trong thời cấm đạo, nên không dám ra mặt. Năm 1852, ông thi đậu thứ 2 khoa Hương Thí. Nhưng bị truất tịch vì biết ông theo Đạo Da Tô. Ông lên lút về làng sống đạo. Được các vị Thừa Sai khuyến khích ông sáng tác nhiều thơ văn đạo. Trong đó, ba bài văn trích dẫn dưới đây, còn lưu đọc và hát trong các xứ đạo miền Bắc trong các tháng 5 và 10.

Văn Dâng Hoa là trường ca gồm 110 câu Lục Bát, chen Song Thất.

*Đền vàng quì trước dâng hoa
Trông lên tháp bảo thấy tòa Ba Ngôi
Mười hai nhân đức gương soi,
Kính dâng Đức Mẹ đời đời ngửa trông.
... Lạ thay là sắc hoa xanh,
Mừng Bà nhân đức trọn lành cực cao.
Dờn dờn sau trước một màu,
Quán chi sương nắng dãi dầu ngày đêm.
...Đức Bà thờ Chúa một bệ,
Hoa Quỳnh chăm chăm hướng về thái dương.
Tội nguyên không nhiễm khác thường,
Hoa sen trên nước chẳng vương bùn lấm.
Lông đây Thánh Sùng giáng lâm,
Hoa Lê tuyết đượm mùi thơm khác vời.
Tuổi cao phúc đức càng đầy,
Lạ lùng hoa Cúc nở ngày vẫn thâu.
Tòa cao Thần Thánh kính châu,
Hoa Mai đỉnh núi nở đầu trăm hoa...*

Văn Mân Côi gồm 150 câu thơ Song Thất Lục Bát, đôi khi thêm chữ Nho. Bản văn dành cho cộng đồng. Giống như lần chuỗi bằng ngâm văn. Mở đầu 8 câu, 16 câu tạ và 36 câu tổng tạ. Phần giữa suy gẫm về 15 mầu nhiệm: Vui Thương và Mừng. Đây là đoạn cuối của lời Tổng Tạ.

*Vì ba sự Vui Thương Mừng ấy,
Giúp đỡ Con chuộc lấy loài người.
Lại nên vườn hoa rất lạ thay,
Cho thánh Hội đời đời thương ngoạ.*

Kinh Cầu Đức Bà là loại kinh thơ viết theo Lục Bát. Nguyên bản bằng tiếng Latinh, gồm 126 câu, chia ra 2 phần: 94 câu kinh cầu và 32 câu lời nguyện.

*Ba ngôi cùng một Chúa Trời,
Xin thương phù hộ chúng con mọi đảng.
Nữ Vương tuyết sáng gương trong,
Hơi trần chẳng đượm vào trong tình tình.
Maria Thánh Nữ Vương,
Trước tòa xin đủ lòng thương thay lời.
Đức Bà như thể đền vàng,
Vững bền chói lói vẻ vang mọi bệ.
... Chúng con còn chốn long đong,
Nhu người vượt biển mênh mông giữa vời.
Mẹ như sao ngự giữa trời,
Chính bên phương Bắc các ngôi sao châu.*

*Xin soi dẫn để con theo,
Kéo con lạc lối sa vào trầm luân.*

6. LINH MỤC PHILIPHÊ ROSARIÔ BÌNH (Hải Dương, 1759-1832)

Năm 1775, Philipphê vào tu chủng viện và thụ phong Linh Mục năm 30 tuổi. Ngày 20-06-1796, cha gia nhập dòng Tên và được gửi qua du học tại Lisbonne, Bồ Đào Nha. Tại đây Cha đã nghiên cứu và viết tới 23 tác phẩm bằng chữ Nôm, chữ quốc ngữ, tiếng Bồ Đào Nha, và tiếng Latinh. Trong đó có truyện Thánh Phanxicô Xaviê, Thánh Anna, Thánh Gioakim, Lịch sử Dòng Tên. Về lịch sử truyền giáo Việt Nam Cha để lại hai cuốn có giá trị sử liệu : “Truyện Nước Annam Đàng Ngoài chí Đàng Trong” (Portugal.1822) và cuốn “*Sách số sang chép các việc*” (Truyện Đàng Trào. Bản dịch của viện Đại học Đà Lạt. 1968).

“*Truyện Nước Annam Đàng Ngoài chí Đàng Trong*” viết năm 1822, theo thể văn tứ lục biên ngẫu, có đối nhưng không có vần. Trong tập này có bài “*Cảm tạ cầu hồn*” (hay Kinh Phục dĩ, còn gọi là “*Cảm niệm từ*”) viết bằng chữ Hán, có nhiều điệp ngữ ê a, dùng như kinh cầu hồn, thường đọc trong các gia đình công giáo khi có lễ giỗ. Nội dung cầu xin Thiên Chúa, Đức Mẹ và các Thánh cứu vớt các linh hồn mới qua đời :

Thần kim thể thủ (con nay rập đầu)
Khấn thiết nghệ cầu (khấn thiết kêu cầu)
Nguyên thủ linh hồn (nguyên linh hồn này)
Khiết thăng thiên quốc (được sạch mà lên nước trời)

7. THÁNH LINH MỤC PHILIPPÊ PHAN VĂN MINH (Vĩnh Long, 1815-1853)

Phan Văn Minh sinh năm 1815 tại Cái Mon, Vĩnh Long, trong gia đình 14 anh chị em, Minh là con thứ 12. Năm 13 tuổi, Philipphê Minh được Đức Cha Jean Louis Taberd (MEP. 1794-1840) nhận làm đệ tử. Năm 1833, có chí thị cấm đạo, nên Đức Cha gửi Minh qua học ở Penang. Năm 1833, Đức Cha gọi Minh qua Calcutta giúp ngài biên soạn cuốn Dictionarium Anamiticum-Laticum (xuất bản năm 1838). Năm 1840 Đức Cha qua đời, thầy Minh trở lại Penang tiếp tục học. Và năm 1846, thầy trở về VN và thụ phong linh mục.

Từ ngày thụ phong linh mục, Cha Minh sống chết với đoàn chiên và trải qua bao nhiêu gian lao thử thách. Cha bị bắt năm 1853, và bị lưu đày lên Sơn Tây. Ngày 3-7-1853, Cha bị xử trảm quyết và quăng đầu xuống sông. Cha được tôn phong lên bậc Hiển Thánh ngày 19-8-1988

Là người thông minh, Cha Phan Văn Minh lại có năng khiếu văn chương thi phú. Cha sáng tác tập thơ chữ Nôm mang tên “*Phi Năng (Pénang) thi tập*”, gồm 35 bài thơ lục bát và 94 bài ngâm vịnh của các thi sỹ khác.

Các vần thơ của Cha mang tâm tình của người “*đạo trưởng*”, truyền lại những cái hay cái đẹp hấp thụ từ Penang về, một lòng tin tưởng vào “*Chúa Trời Đấng*” với lòng trung kiên quyết không “*chối đạo*” kháng khái tuyên xưng đức tin. Ở đây xin trích dẫn ba bài thơ ngắn.

. Tạ Ôn Ba Ngôi.

*Đội ơn Chúa Cả Ba Ngôi
Dựng nên muôn vật cho tôi hưởng dùng.
Chúa là vô thủy vô chung,
Thường sinh thường vượng, không cùng không sai.
Chúa là toàn đức toàn tài,
Suốt trong trời đất không ai ví tày.*

. Phán xét công bình

*Hỡi hùng kinh khiếp hỡi người ta!
Chúa xét công bình chẳng thứ tha
Công bằng mũi lông không khuất lấp
Tội dầu hơi cũng nghiêm tra.
Bấy giờ ngài tử giao Thần Thánh,*

*Khi ấy tội nhân phủ quĩ ma.
Bời đó mười năm tua năm giữ,
Rượu trà cờ bạc chớ mê sa.*

. **Bắt đạo**

*Lùng lầy oai hùng tiếng đã rân,
Chỉ truyền cảm đạo khắp xa gần.
Thánh đường chốn chốn đều tiêu triệt,
Giáo hữu người người chịu khổ tân.
Linh mục giáo lưu, hình thâm khắc,
Cận thân trăm quyết, linh đồ thân.
Há rằng vương đế làm nhân chánh,
Sao nữ phiến hà hại chúng nhân.*

8. TẬP THƠ INÊ TỬ ĐẠO VĂN

Tập thơ văn này đăng trong Dictionarium Anamiticum-Laticum của Đức cha Jean Louis Taberd, in năm 1838, bằng 3 thứ tiếng Anh, Pháp, và Latinh, từ trang 110 đến 135, khổ lớn. Tập thơ không ghi tác giả. Đọc nội dung thì thấy không phải là Thánh Nữ Lê Thị Thành mà đây là vị nữ tử đạo khác trùng tên thánh là Inê. Vị Nữ anh hùng này luôn biểu lộ đức tin công giáo sẵn sàng tuyên xưng Chúa Kitô, trung thành với Giáo Hội và tin vào diễm phúc tử đạo. Hơn nữa về dòng tộc, cha của Inê là Carolô, mẹ là Save. Inê là con thứ 8 của gia đình 12 anh chị em. Inê có anh cả là linh mục Loren Lâu. Năm 19 tuổi Inê lập gia đình với Mátcô sinh được hai con trai tên Nabê và Phaolô. Năm Inê được 16 tuổi thì mẹ mất và năm 28 tuổi cha mất. (câu 1 - 48).

Inê và phụ nữ khác tên Cầm Du cùng bị bắt và được ông nghề khuyên dụ nếu “*Bay mà bỏ đạo Chúa Trời, trở về đạo Phật*” sẽ được tha, không thì bị giết. Inê trả lời:

. **Inê đặt gỏi trình qua:** (câu 153-160)

*Chúng tôi giữ đạo Chúa cha hơn từ,
Thật đàng công chính chẳng tư
Tôi đâu dám bỏ công phu ngài người?
Mặc ông tha thiết hai lời,
Tôi thà chịu chết, cõi trời nên công.
Giết tha thì mặc lượng ông,
Kim thạch là lòng chẳng chậy mỡ phân.*

. **Anh Mát Cô chồng của Inê vào thăm vợ trong tù:** (câu 281-308)

*Này đoạn Mát Cô càng thương,
Tìm lên viếng vợ tư lương thâm sâu,
Vợ chồng đạo nghĩa tào khương,
Con thơ nữ bỏ lo lường làm sao?
Lìa nhau anh dám cãi nào.
Làm chi nên nổi tù lao rạc hình
Inê lẳng lẳng làm thình.
Chồng càng than khóc vợ mình kẻ khuyên:
Sắt cầm từ thuở ấu niên
Nữ nào li biệt cho an tác lòng,
Dầu chẳng nên đạo vợ chồng.
Con thơ ai kẻ quan phòng dưỡng nuôi.
Má hồng mặt bạc mây môi,
Mình vàng vóc ngọc bỏ tôi chẳng nhìn?
Em hỡi nghe lời anh khuyên,
Sắt cầm giai lão hơn duyên hiệp hòa.
Inê rằng: chước quĩ ma,
Nó toan làm hại hồn ta phen này.*

Mát Cô anh đã tới đây,
Công linh nghĩa Chúa tôi rày trả ơn.
Anh thì ở lại chớ sờn,
Thìn lòng giữ đạo chẳng hơn cũng tà,
Ngày sau ta lại hiệp vầy.
Thương thì cầu nguyện hồn ngay thẳng về.
Ấy là ngài đạo phu thê,
Chớ ra lòng mọn lời nghi chẳng nên.

. **Chồng bông con đến nhà tù thăm vợ.** (câu 352- 365)

Inê lòng động thương ôi!
Thấy con kêu khóc nhuốm sôi hai hàng.
Muốn làm thình vầy cho an,
Lại e thất ý phu lang chẳng là,
Cầu xin cùng Chúa nói ra,
Giúp tôi bền vững khỏi qua nạn này.
Mát Cô anh đã tới đây,
Thiếp già ơn này, đã có lòng thương.
Bông con trở lại gia đường,
Làm chi bịn rịn áp lòng dạ tôi?
Con nghe tiếng mẹ thốt thôi,
Kêu rằng: ở mẹ, mẹ ơi chẳng về.
Mẹ càng chuyển động ngả kê.

Nữ anh hùng Inê bị nhốt một tháng, cha Loren được vào thăm và giải tội cho em, trước khi Inê tắt thở vì quá kiệt sức. Khi qua đời xác thánh tỏa ra mùi thơm lạ thường. Giáo dân được lãnh xác đem về an táng đàng hoàng trong đất thánh. Theo H. Ravier viết trong “*Sử Ký Hội Thánh*”, (Hà Nội, 1934, Q 3, tr.270) thì Inê bị chết bỏ đói vào lễ Giáng Sinh năm 1700.

Viết bài trường ca từ đạo dài 482 câu này, tác giả muốn nêu gương sáng cho mai sau ở hai câu cuối:

Giáo nhơn học lấy làm lòng,
Giữ trong mười giải thì thông lẽ mẫu.

9. KỊCH ÔNG THÁNH LÝ MỸ TỬ ĐẠO

(*Imprimerie de la société de Missions Étrangères, Hong Kong. 1918*)

Kịch bản này không ghi tác giả, và chia làm 5 cảnh: 1) Trong nhà lý Mỹ, nhà quê, gian giữa bày bàn thờ. 2) Đình làng Vĩnh Trị. 3) Dinh quan Tuần Nam, cung đường. 4) Ngục thất. 5) Ông Thánh Mỹ tử vì đạo. Xin trích ba đoạn:

. **Gia thế Thánh Mighê Mỹ.** (Cảnh thứ I, tr.4-5)

Kể tắt truyện ông Lý Mỹ
Từ bè cho đến khi làm lý trưởng
Bài hát giáo đầu:
Hội Thánh ngày ngày thấy vẻ vang
Anh hùng nổi tiếng cõi Nam bang
Khấn khấn một niềm vâng Đạo Chúa.
Đình ninh mang hưởng phúc Thiên Đàng.
Một niềm mến phúc Thiên đàng.
Xã sinh thử nghĩa thật càng chóng lên,
Nay xin diễn tích tên lý Mỹ
Quán ở làng Vĩnh Trị huyện Yên,
Từ thưở bé lúc thiếu niên
Trí khôn sắc sảo lại chuyên tập thành
Trông coi sóc gia đình tiêm tât

*Ngoài khu xử cách rất phân minh,
Sớm hôm đọc sách nguyện kinh
Lý tài lo giữ công bình liêm ngay,
Đến khi gánh việc thay làng nước
Bề gia thất phó thác vợ coi.
Việc đời việc đạo hẳn hoi
Cổ kim nào thấy có ai sánh bầy.
Ung dung dũng sĩ chí anh tài
Nam thiên lịch đại không đôi kẻ
Viễn cận trung gian dễ mấy người
Trung gian dễ có mấy người
Khôn ngoan sắc sảo đạo đời giới giang.*

. Lời khuyên của bà Lý Mĩ lúc ẵm con thơ vào thăm chồng. (Cảnh thứ 2. tr. 46-47)

Phải, đã lâu nay cha con chẳng được gặp mặt, nhân khi mát giờ, em đem con đi để anh ôm con lần sau hết (khóc) hi.. hi.. hi.. (gạt nước mắt). Nay Chúa định cho anh phải đôn vọt giam cầm vì Người, thôi thì em khuyên anh vững lòng chịu khó vì Chúa, chớ lo phiền về đường vợ con làm chi. Em nay dù ngậm đắng nuốt cay đi nữa cũng cam tâm phó thác mọi sự cho Chúa, trông rằng có ngày vợ chồng xum họp vui vẻ, anh ôi.

*Bát bằng bông nói con giống tổ
Đạo vợ chồng khôn biết thờ than
Lòng thương chồng xiết nỗi tâm toan
Công dạy trẻ không quản khó nhọc
Nhờ Chúa đã cho em sức vóc
Xin anh hãy gắng sức cho bền
Vững vàng xưng đạo Chúa liên liên
Danh vọng ấy bia truyền Việt Pháp.*

Lý Mĩ.

*Sự khốn khó vì đâu bay buộc,
Đạo phu thê chỉ nước thề non.
Xin em ghi tạc sắt son
Mạc mỗ danh liêu vàng đá,
Phép vua càng đau dạ
Đạo Chúa dám ngã lòng,
Khuyến em trở lại khuê phòng,
Nuôi con trẻ, hết lòng cầu nguyện.*

. Con gái thánh nhân vào thăm cha (Hồi thứ 3, tr. 51-52)

Thị Mĩ. Chào các ông, xin các ông cho vào thăm thầy tôi một chút.

Lính canh. Con bé nào kia, vào thế nào được, không có phép, đi ra đi.

Bếp. Tội nghiệp con bé, thôi anh quyền, cho nó vào (chỉ tay vào thị Mĩ)

Lính canh. Cho vào một lát thôi nghe chưa ?

Thị Mĩ. Dạ, cảm ơn ông (rời đi vào)

Lý Mĩ (thấy con chạy ra) Kia con ra thăm thầy đây ư? Ai đưa con đi thế? Sao hôm nọ con không đi làm một với mẹ con, hử?

Thị Mĩ. Hôm nọ mẹ không cho con đi, bảo rằng đường xa quá. Hôm nay con trốn đi ra thăm thầy, con nhớ thầy quá.

Lý Mỹ Ở con, thầy cũng nhớ con lắm, song con đừng có lo, con cứ về giữ đạo hẳn hoi, vâng lời chịu lụy mẹ con, chẳng khỏi bao lâu con sẽ gặp được thầy mãi mãi trên thiên đàng, đó con.

Thị Mỹ. Sao mình thầy mông mù cả lên thế, các quan đánh thầy đau lắm phải không?

Lý Mỹ. Không hề gì, thầy không đau, đã đóng xeo cả rồi.

Thị Mỹ. Thưa thầy, con thấy thầy phải khổ sở thì con thương thầy lắm, song dù thế nào, xin thầy đừng khóa quá, thầy cứ xung đạo ra cho được chết vì đạo, thầy nhé.

Lý Mỹ. Con khuyên thầy thế là phải lắm, thầy sẵn lòng chết vì Chúa, con đừng lo. Thôi con đi về, tối sớm nhớ đọc kinh cầu nguyện cho thầy vuổi, nghe con.

Vở kịch kết thúc bằng đọc bản án xử tử Lý Mỹ, do Minh Mệnh ký.

Cảnh thứ 5 : Ông Thánh Mỹ trên thiên đàng, một bài văn tế được đọc lên với câu kết:

*Thánh ý nghìn trùng. Lòng thành một tác,
Cứu cho người thoát đấm sông Mê
Độ lấy kẻ sa vùi kẻ khổ.
Vui thay. Mừng thay
Thiên đàng cực lạc. (tr. 61)*

II. CÁC THI SỸ TIÊN PHONG

Qua thế kỷ 19, chữ quốc ngữ phát triển và thịnh hành, làm thay đổi lối hành văn trong các tác phẩm văn học. Do đó, những nét văn hóa công giáo cũng ảnh hưởng theo. Nhiều nhà thơ công giáo xuất hiện với những lời thơ trong sáng dễ hiểu.

1. Cụ sáu Trần Lục (Thanh Hóa, 1825-1899)

Phêrô Trần Lục có tên chính là Trần Hữu, sinh năm 1825, tại Mỹ Quan, Nga Sơn, Thanh Hóa. Khi nhập tu chủng viện Vĩnh Trị đổi tên là Triêm. Năm 1858, Thầy Triêm lãnh chức Sáu (Phó tế). Vì thế quen gọi ngài là Cụ Sáu, hay Trần Lục. Thời Tự Đức, Cụ Sáu Trần Lục bị bắt và tra khảo tìm kẹp và đày lên trại Lạng Sơn. Nhờ tài ba, thông thạo nho học nên được mời dạy học cho con các quan. Năm 1860, Cụ được phép về Kẻ Trừ chịu chức linh mục, xong lại trở lại trại tù cho đến ngày được thả, năm 1862. Sau đó Cha phục vụ tại Thanh hóa và Phát Diệm. Phần mộ ngài còn đặt trước cửa chính nhà thờ Phát Diệm.

Không được diễm phúc từ vì đạo, nhưng cha đã để lại sự nghiệp rất lớn lao về công trình kiến trúc và văn hóa. Ngày nay, quần thể kiến trúc khu nhà thờ Phát Diệm xây cất theo lối đồng phương là di tích lịch sử để lại cho cả nước. Những bài ca về, thơ văn của cha là kho tàng quý giá về văn hóa và giáo dục. Để ghi ơn Cha, triều đình VN và chính phủ Pháp đã trao tặng Cha nhiều huy chương.

Về văn hóa giáo dục, Cha đã viết:

1) TUỒNG THƯƠNG KHÓ quen gọi là tuồng “Bắt quân dữ”, diễn lại một cách linh động việc quân dữ bắt Chúa Giêsu trong ngày thứ Sáu Tuần Thánh. Tuồng bản không có in thành sách. Các nghệ sỹ học và hát diễn thuộc lòng. Tuy nhiên những vị lão thành cho biết “*Tuần Thánh mà xem Tuồng Thương Khó thì dễ nhớ, cảm động và sôi sảng. Tuồng được bốn đạo cũng như lương hoan nghênh lắm*”.

Sau khi Chúa Giêsu bị đóng đinh, đến táng xác Chúa trong mộ. Cha Trần Lục đã sáng tác bài Than Mộ “*Đứng trước hiếu sơn*”, gồm 65 câu thơ, ghi lại cuộc đời Chúa Giêsu xuống trần gian, sinh ra tại Belem, sống ẩn thân trong gia đình ở Nazaret, ra giảng đạo tại Giêrusalem, trước khi chết trên Thập giá, đã lập ra phép Thánh Thể. Bản văn diễn ngâm bằng giọng bi ai, cốt để đánh động người tín hữu có chai đá khô khan mây cũng phải se lòng. Mục đích đã đạt được trong phần kết luận.

Thương Chúa tôi, lạy Chúa tôi hằng sống vô cùng
Mà rầy thụ tử, cực nhẽ nguồn con là thế

Đá cũng vỡ tan, màn cũng xé
Huống nọ con là loài linh tính
Nhẽ nào con còn uốn chín khúc trong lòng
Phương chi con là loài thấp hèn
Sao không chày đôi hàng giọt lệ
Ấy năm dẫu đánh là hoa nhuộm đủ mùi thơm
Đề rửa sạch lòng trần ô ứ
Vây nay đứng trước hiều sơn viếng nơi táng địa
Năm dẫu thánh chấp tay kính lạy
Tích vào lòng cho đến lộn đời
Mười bốn đàng quì gối ngắm suy
Trong cơn phúc đề mà trả nghĩa...

2) VĂN DÂNG HOA là những bài dân ca theo điệu ca trù, thường hát khi dâng hoa vào tháng Năm, kính Đức Mẹ. Cụ Sáu là người có lòng sùng kính Đức Mẹ, nên đã xây nhà thờ lớn Phát Diệm để tôn kính Đức Mẹ Mân Côi và chọn Đức Mẹ Mân Côi làm quan thầy của Giáo phận Phát Diệm. Vì thế, sau khi công trình xây cất nhà thờ xong, Cha đã cổ vũ lòng sùng kính Đức Mẹ. Tháng Năm là dịp giáo dân tụ họp kiệu hoa, sau đó vừa dâng hoa vừa hát văn, được tập luyện công phu. Nội dung các bài văn này rất thực tế, như:

Đức Mẹ có "xin vâng" mới có Chúa Cứu Thế xuống thế làm người.

*Chúc mừng Đức Mẹ với tước hiệu là Mẹ Con Thiên
Xin dâng Mẹ với những đóa hoa tươi và cả tấm lòng triu mến.
Xin ban ơn mưa thuận gió hòa, mùa màng đầy kho.
Khẩn thương ban cho chúng con phúc thiên đàng.*

Xin dẫn trích một vài đoạn:

- *Trông cây Bà vạn sự sa-ga
Là mẹ thật loài người
Xưa Chúa Lờ
Sai con người
Xuống thế dân chuộc tội dân
Ngự trong lòng Thánh Mẫu thân đồng thân
Ơn phúc gồm lộn vẹn phân mười phân
Là nguồn mạch mọi ân
Ơn phúc lạ
Trong thiên hạ
Khắp cả dân gian
Mang tin hèn mừng rỡ hoan hi hoan.*
- *Mùi thơm ngát trên tòa kính đốc
Chúng con nay hiến thành cân bịch
Xin Đức Bà rộng đức khoan dong
Bốn mùa hòa khí xuân phong.
- Mẹ rất khoan nhân từ thiên tính... cửa thiên đường
Quyển bình Chúa trao đoái thương xem con mọn ba đào.*

3) CA VỀ là lời văn chương bình dân. Cha Trần Lục đã viết rất nhiều như là bài học giáo lý về Thiên Chúa, Đức Mẹ, các Thánh, về luân thường đạo lý. Trong tập "Sách thuật lại ít nhiều ca về Cụ Sáu đã làm" ghi lại ba bài dài: Hiếu Tự Ca (1088 câu), Nữ Tắc Thường Lễ (1016 câu) và Nịch Ái Vong Ân (440 câu).

Hiếu Tự Ca giảng giải về đạo hiếu người tín hữu Việt Nam phải có đối với tổ tiên và cha mẹ, và đây cũng là điều răn Thứ Tư Chúa truyền dạy: *thảo kính cha mẹ*.

Người mẹ sinh con, người cha nuôi dưỡng. Cả hai cùng trách nhiệm giáo dục con cái nên người, lo dựng vợ gả chồng cho con, và nhất là chỉ bảo con cái giữ đạo hăng hái.

- *Phân hồn thì Chúa sinh ra
Xác này Chúa phó mẹ cha sinh thành.
Phụ tình mẫu huyết đúc hình*

*Cho ta toàn vẹn mà sinh làm người.
- Cha thì tối sớm ban khoan
Lo sao cho được thành thân sau này
Ấn cần các việc bề ngoài
Dạy con cho biết làm người hẩn hoi
Mẹ cha lo mãi chẳng rời
Lo dần từng thí từng hồi chưa xong.
- Mẹ cha mỗi miếng mỗi môi
Dạy việc đạo đời hiếu đễ cho con.*

Bổn phận làm con là phải báo đáp công ơn, bằng nghe lời các ngài răn dạy và trao tặng chút ít vật chất khi có thể. Giữ tròn chữ hiếu là trung thành lễ luật Chúa. Thiên Chúa biết và thưởng công xứng đáng những người con hiếu thảo. Đọc ở đây câu kết luận.

*Hãy hãy lắng tai nghe lời Chúa hứa
Ai hết lòng thảo hiếu mẹ cha
Sẽ ban phần thưởng này là
Sống lâu dưới thế để mà trả công
Về sau phúc trọng muôn phần
Chúa còn trả lại vô cùng hạp chi
Mấy lời hiếu tự phải ghi
Chôn lòng mà giữ chớ khi nào rời. Amen.*

Nữ Tắc Thường lễ là những chỉ dẫn riêng cho chị em nữ giới, khi còn xuân xanh đến khi lập gia đình, có con có cháu, về công việc làm, giữ gìn vẻ đẹp, trau dồi đức hạnh, khôn ngoan trong lời ăn tiếng nói, và biết cách cư xử ở trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

Người con gái ngoan được đánh giá cao vẫn là người con hiếu thảo và có giáo dục.

*Nữ nhi bạy cũng phải nghĩ suy
Cả không ăn muối ắt cá wơn
Làm người có dạy có khôn
Các điều dạy dỗ phải chôn vào lòng.
Trong gia đình, tác giả nhấn mạnh cần chăm chỉ làm việc.
- Thứ hai ta lại nói dân
Cách ăn nết ở về phần nữ nhi
Dạy dậy sớm, thức thức khuya
Chẳng kỳ việc gì dọn dẹp liền tay.*

Muốn nên người, nữ nhi phải sửa đổi tính tình, như ty hiềm, bất hòa, nghe chuyện người khác, nói xấu, đặt điều không hay, bỏ vạ cáo gian.

*- Lại còn tính khác chưa xong
Ấy là bất thuận bề trong bề ngoài
Chẳng ưa chẳng phục ai
Điều lành nhẽ phải gác tai mọi nhời
Lấy mình là phải hơn người
Kẻ trên người dưới không ai bằng mình.
- Nữ nhi vẫn có thói thường
Nói hành nói tội lại càng không nên
Ngồi lê mách lẻo thói quen
Nói hay bết xếp thì hèn mà hư.*

Nịch Ái Vong Ân là bài học cho thanh niên. Họ có hai bổn phận đối với vợ và cha mẹ hai bên. Với vợ, người chồng phải rộng lượng, để yêu thương và sống kiếp ở đời với nhau. Vợ chồng sống thuận hòa, không còn là hai mà là một.

*Phép vợ chồng một xương một thịt
Đền công ơn sống chết cùng nhau...*

*Ở ăn khép tắc thuận hòa
Chớ đùng khó mặt mới là người khôn.*

Tác giả nhắc vợ chồng đùng quên sống công bằng bác ái, thương giúp đỡ người giúp việc trong nhà và người bất hạnh khi gặp.

*Lại phải thương con nhà nghèo khó
Chớ ra điều cậy có bao giờ
Mồ côi cũng chớ làm ngơ
Mù què thương xót tóc tơ bù chì
Đùng sân si với người già cả
Kẻ bầy vai chớ khà khinh thường
Vai dưới lại càng phải thương
Để lòng giữ kỷ đạo thường người ta.*

2. GIÁM MỤC NGUYỄN BÁ TÙNG (Gò Công, 1868-1949).

Tác giả **TUÔNG THƯƠNG KHỐ**

Khi còn làm phó xứ Tân Định, Sài Gòn, Linh mục Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tùng đã nổi tiếng về diễn giảng hay và viết bài cho báo Nam Kỳ Địa Phận (Sài Gòn), báo Vi Chúa (Huế). Năm 1911 Linh mục J.B. Tùng viết Tuông Thương Khố và được khởi diễn nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập chủng viện Sài Gòn (1863-1913). Dịp đại lễ kỷ niệm này, tuông được diễn 5 lần: Chúa nhật 13-4-1913, vào 4 giờ chiều; Thứ Tư chính lễ 16-4-1913, vào 7 giờ tối; Chúa nhật 20-4-1913, 4 giờ chiều; Thứ Ba 22-4-1913, 7 giờ tối và Chúa nhật 27-4-1913, 4 giờ chiều. Vé xem tuông bán tại tòa báo Nam Kỳ Địa Phận, ở Tân Định, và nhà các cha sở, vé hạng nhất giá 2 \$, hạng nhì 1\$, hạng ba 0\$ 50. Sau này tuông có diễn tại Bà Rịa (1917), Tân Định (1924). Năm 1933, Đức Cha Tùng được chọn làm giám mục Phát Diệm, và tuông này được diễn tại Phát Diệm (1934) và nhiều nơi tại miền Bắc. Lần nào diễn, số khán giả xem rất đông.

Tuông Thương Khố viết theo sách Gẫm sự thương khó Chúa Giêsu Kitô và bản văn ngoại ngữ đã được trình diễn ở Oberammergau (Đức) và Nancy (Pháp). Vợ tuông chia làm hai phần:

- Phần thứ nhứt: từ khi Đức Chúa Giêsu vào thành Giêrusalem cho đến khi Giuđa nộp Người.
- Phần thứ hai: Từ khi Giuđa nộp Đức Chúa Giêsu cho đến khi Người sống lại.

Dưới đây trích dẫn hai màn:

. Đức Chúa Giêsu rửa chân cho các Tông Đồ

Vêrô. Lạy Thầy, vậy Thầy ăn lễ Phanxica với chúng tôi lần này là lần sau hết sao ?

ĐCG. Phải, lần này là lần sau hết. Song bởi các con đã chịu gian nan bắt bớ cùng Thầy, thì các con sẽ đặng ngồi cai trị cùng Thầy trên nước Đức Chúa Cha. Các con sẽ ăn uống một bàn cùng Thầy, và sẽ ngự tòa mà phân xử mười hai đoàn dân Isarae. Nhưng vậy đệ tử hãy chiêm nghiệm điều này: là vua chúa thế gian thì dùng quyền, mà trừng trị thế gian. Song đệ tử đùng làm thế ấy, mà lại ai lớn hơn trong các con, thì phải làm nhỏ, còn kẻ có quyền thì phải ở như người tôi tớ. Đệ tử hãy xét: kẻ ngồi ăn với người dọn ăn, ai trọng hơn? Chẳng phải là kẻ ngồi ăn trọng hơn sao? Mà bấy lâu Thầy ở cùng đệ tử khác nào kẻ dọn, cùng như tôi tớ. (ĐCG cởi áo ngoài, lấy khăn nịt lưng và đổ nước vào trong chậu) Hỡi đệ tử yêu dấu, hãy ngồi.

Tông Đồ (nói cùng nhau) Không biết Thầy tính làm gì đây ?

ĐCG. Vêrô, hãy cởi giày.

Vêrô. Lạy Chúa, Chúa toan rửa chơn tôi sao?

ĐCG. Việc Thầy làm, bây giờ đệ tử chưa hiểu ý, mà đến sau sẽ rõ.

Vêrô. Không, không khi nào tôi dám chịu.

ĐCG. Nếu Vêrô chẳng để Thầy rửa, thì chẳng còn nghĩa cùng Thầy.

Vêrô. Nếu vậy thì chẳng những rửa chơn mà lại xin Thầy rửa tay và đầu nữa. (hồi thứ VI, tr. 21-22)

. Hạ xác Đức Chúa Giêsu.

Madalenna. Kê nghịch đã đi hết rồi, bây giờ chúng tôi mới an lòng, vì đây là của trọng vô giá. Ôi ôi! biết Đức Mẹ đau lòng xót dạ là dường nào!

Đức Mẹ. Ở các con. Hãy coi chúng nó đã làm cho Người hư nát cho đến nỗi nào!

Matta. Đó là việc cứu chuộc loài người. Đức Mẹ đã cực lực vì chúng con lưỡi nào kẻ đáng.

Gioang. Xin Đức Mẹ ngồi đây. Chúng con lo việc phong phần (Giude Arimathia, Nicôdê mô và Gioang lo việc hạ xác. Đoạn Giude ôm xác Đức Chúa Giêsu để trong lòng Đức Mẹ). Xin Đức Mẹ hãy chịu lấy xác con Đức Mẹ.

Đức Mẹ. Ôi ôi ! Nó trả con tôi lại cho tôi như vậy!

Gioang. Lay Đức Mẹ, chúng con mới hiểu lòng Người yêu dấu chúng con quá hậu.

Madalenna. Nhờ đó, chúng con mới rõ lòng Người yêu dấu chúng con quá hậu.

Nicôdê mô. Xin Đức Mẹ để chúng con ướp thuốc thơm, rồi liệm xác Người trong bức kh#n này.

Madalenna. (đổ thuốc thơm dưới chơn Đức Chúa Giêsu). Lay Thầy tôi đổ thuốc thơm nơi chơn Thầy. Phên này là phên sau hết.

Giuse Arimathia. Bây giờ ta hãy đem xác vào vườn, mà táng trong huyết đá.

Đức Mẹ. Ở Giêsu, Con ôi! Đây là việc sau hết Mẹ làm cho Con là đem con đi phân mộ. Xin Con đừng để Mẹ xa Con lâu ngày, một cho Mẹ hiệp vậy cùng Con cho kíp.

3. GIÁM MỤC HỒ NGỌC CĂN (Huế, 1876 -1948)

Đức Cha Đa Minh Hồ Ngọc Căn là một thiên tài. Trong cương vị là linh mục coi xứ đạo (1902-1910), Giáo sư chủng viện (1910-1924), Bề trên dòng Thánh Tâm (1924-1935) Chủ bút nguyệt san Linh Mục Đông Dương (Sarceros Indosiensis, từ 1935) rồi làm giám mục (1935-1948), Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Đa Minh bán nguyệt san (1939-1946)... công việc nhiều như vậy, mà Đức Cha đã viết đến 248 bài, tác phẩm lớn nhỏ, dưới nhiều hình thức văn thơ khác nhau.

Các tác phẩm của ngài được đăng trên báo *Nam Kỳ Địa Phận, Lời Thăm, Đông Dương tạp chí, Vì Chúa, Đa Minh bán nguyệt san, Nam Phong tạp chí, Nam Kỳ tuần báo, Thời Mới...* dưới nhiều bút hiệu khác nhau, như : Hồ Ngọc, Ngô Tri Dược, Ngô Đồng Hành, Ngô Ký Vãng, Ngô Tri Lễ (Luận), Ngô Ký Ân, Ngô Tương Ai, Ngô Điều Trần, có khi chính danh là Hồ Ngọc Căn hoặc viết tắt : Đ.H.N.C. Số lượng sáng tác của Đức Cha còn có thể nhiều hơn, chưa được phổ biến. Đây là một công trình văn hóa vô cùng quý báu.

Đức Cha thông minh tài trí, viết nhiều, và nhanh về mọi vấn đề. Có thể xếp nội dung tư tưởng các sáng tác về văn xuôi và thơ của Đức Cha Hồ Ngọc Căn vào những chủ đề chính sau: Bài học giáo lý và luân lý, trung tâm mục vụ, đào tạo tu sỹ, huấn luyện giáo dân, giáo dục và sách giáo khoa, các dịp đại lễ và đời sống hằng ngày và được tính,

1) Bài học Giáo lý và Luân Lý

Bốn phận hàng đầu của con người là thờ kính Thiên Chúa, Đấng tạo thành vũ trụ, muôn loài và loài người :

*Giữa trời có một Chúa Trời
Hằng có đời đời vô thủy vô chung*

*Thiên liêng sáng láng vô cùng,
Oai quyền phép tắc khoan dung tốt lành...
Đời này giữ đạo cho nên,
Phượng thờ Thiên Chúa để đền công ơn.*
(NKĐP. số 447, tr. 533-535)

*Kính mến Đức Mẹ với cả tấm lòng con ngoan:
Thành tâm thờ Mẹ Chúa Trời
Sống đã khỏi sợ, chết thì hỉ hoan;
Làm con khổ hải gian nan,
Có Người bầu chữa, ủi an dẫu dàu;
Vậy khuyên con hãy mến yêu,
Cùng làm tôi Mẹ chớ liêu bơ vơ.*
(NKĐP. Số 431, tr. 279-281)

Kể đến là đạo hiếu, đạo nhân và nghĩa vợ chồng. Hiếu với cha mẹ, đền đáp công ơn sinh thành. Nhân với bạn bè xung quanh và sống trọn nghĩa vợ chồng với nhau.

*Với cha mẹ vẹn tình thâm,
Lòng ghi chữ hiếu, tay cầm chữ trung;
Với anh em dạ phục tùng,
Với người thiên hạ lòng cùng chung yêu;
Phận mình trăm nết đừng xiêu,
Cách ăn thói ở mỗi điều mỗi hay;
Sống như vậy khá vui thay,
Chết rồi lại đặng muôn ngày hỉ hoan.*
(Sinh vô nhục, tử vô ưu. NKĐP. Số 518, tr. 40-41)

Đức Cha khuyên riêng vợ chồng :

- Loài người lớn trọng cao sang,
Nếu không giữ vẹn lại càng xấu thay.
Làm chồng hãy nhớ phận chồng,
Nhìn xem nét chữ dẫn lòng chớ quên. (KHUYẾN THÁI PHU LUẬN, Nam Kỳ Địa Phận, số 217, tr. 138-139)
- Chồng khôn ngoan cam gan nhịn vợ,
Vợ đạo đức gắng sức nhịn chồng. (NHỊN NHỤC NHAU MỖI KHI LỖI LẦM, NKĐP. Số 271, tr. 181-182)

Cờ bạc, rượu chè luôn là tệ nạn xã hội, cần xa tránh mới gìn giữ hạnh phúc gia đình lâu bền.

Làm người cần có “Đức, Chí, Nhon, Tâm, Ngôn, Tín, Chính, Trực”

Luận về chữ Đức:

*Trau dồi vặc vặc giữa trần ai,
Hai chữ trực tâm phải nhớ hoài.
Bộ bước nước đi bằng chính đĩnh
Thói ăn nết ở chớ gì sai. (NKĐP, số 394, tr. 470-471)*

Chữ Chí: *Quý thay cái miêng học trò,
Biết đo trường đoán, biết dò thị phi.
Khen lòng quân tử tao tri,
Lâm tai chẳng biến, gặp nguy không dời.*
(NKĐP. Số 376, tr. 217-218)

Chữ Nhon : *Một người giữ trọn cả hai,
Hai người như một ấy người có nhon.*
(NKĐP. Số 390 tr. 440-442)

Chữ Tâm: *Lòng người khi ám khi minh,
Nguyệt tà thành tượng tam tinh điểm đầu.*

Chữ Ngôn: *Nói ra khôn nổi rút lời
Hãy suy cho chín đoan thời nói ra.*

Chữ Tín: *Làm người chớ quá xuyên hoa,
Nói ra nhằm lý ấy là nên tin.*

Chữ Chính và chữ Trực:
*Nẻo tà có bảy có ba,
Đàng ngay có một ấy là đình ninh
Có câu thập mục đừng khinh,
Hãy dẫn lấy mình mà ở cho ngay*

Và nhiều bài khác về: Nhơn Đại Thiên: nói về 3 chữ nho: Nhơn là người, Đại là lớn và Thiên là Chúa. Chớ đoán sai (điều răn thứ Tám). Đức hiếu thảo (điều răn thứ Tư). Đức Chúa Trời phạt kẻ bất hiếu. Cờ bạc, rượu chè. Từu trung tài thượng. Nhịn nhục nhau mọi khi lỗi lầm. Phước họa thị phi chân bửu giám (Bảy phép bí tích). Triết nhơn tri kỷ (biết mình). Quê ta ở đâu? Dạy con biết đàng kính mến Đức Chúa Bà. Đức Chúa Bà tự tích vãn. Niên chung nguyệt tận. Trái tim Chúa Giêsu. Triết nhân tri kỷ. On Chúa mềm mại. Cõi trần thế. Năm cũ đã qua. Huynh đệ như thù túc. Hiếu u thân sớ. Đạo nguyên xuất u thiên.

Trong bài “*Sinh vô dục, tử vô ưu*”, có tư tưởng về công phúc.

*Sống lành Chúa mến người yêu
Chết rồi lại đặng nhiều điều thơm danh.
Nhiều gương xưa tỏ đảnh rành
Đời nay còn có người lành gương treo*

2) La Vang sự tích vãn gồm 324 câu thơ lục bát, cho phép imprimatur của Đức Cha Alexandre Paul Chabanon, Vicaire Apostolique, Huế ngày 20-07-1932.

Trong lời minh bạch ở đầu Đức cha Cần cho hay “*văn kể sự tích La Vang từ thuở sơ khai cho đến khi kiêu đại hội lần thứ nhất năm 1601. Văn này ai làm chẳng biết làm hồi nào cũng bất minh. Có lẽ mà đoán đã làm năm 1901... Văn chương không tao nhã là bao... Tôi chỉ sửa mấy tiếng trúc trắc quá và bỏ bớt mấy khúc không cần.* (Hàng Giáo Phẩm Công Giáo Việt Nam. tr.525). Xin trích dẫn những điểm chính:

. Địa thế hiểm trở, đầy thú rừng cheo leo:

*Trời sinh cái chốn lạ lùng
Tự nhiên giữa nên cung Chúa Bà:
Truyền rằng có một cây đa,
Mọc lên giữa núi diêm đà tốt tươi.
Ngày thì hạc phụng dạo chơi,
Đêm thì hổ báo châu nơi linh hoàng.
Chốn này thanh vắng nghiêm trang,
Hai bên khe ruộng giữ làng La Vang. (c 1-8)*

. Hình ảnh khi Đức Mẹ hiện ra được ghi qua truyền tụng.

*Thơ rằng: Chúa Cả Ba Ngôi
Hộ phù giáo hữu, vãi lời thông tin
Rằng: Đức Mẹ hiện xuống thánh đền
Bồng thánh tử trọng nên là trọng
Đội mào vàng sang quá đổi sang. (c. 127-131)*

. Những ơn lạ Đức Mẹ ban cho cả lương giáo.

*- Rất oai vang chữa người bệnh hoạn
Hóa phép lạ cứu kẻ gian nan
Những chúng lâm nạn khổ bức,*

Đều nhờ Mẹ trăm thức nhiệm màu
Dầu lương giao khắp xứ đầu đầu,
Đều đến đó khăn cầu khăn vái. (c. 132-137)
- Truyền rằng: Đức Mẹ hiện hình
Tay bồng Au Chóa oai linh vô cùng.
Cứu người vô chốn sơn trung
Khỏi lâm vuốt hổ, miệng hùm, răng beo. (c. 203- 206)

. Kiệu lần đầu tiên vào ngày 13-07 năm (?). Sau kiệu có lễ hát và châu Phép Lành. Kiệu xong, người ta hái lá cây
'đem về cất lấy khi đau mà dùng' (c. 320)

3) Hai bài thơ nổi tiếng của Đức Cha Hồ Ngọc Cẩn:

. **Triết hơn tri kỷ** (Người khôn ngoan thì biết mình)

Khuyên người hãy biết lấy mình,
Triết hơn tri kỷ, sử kinh dạy lời;
Dẫu thông mọi việc trong đời,
Phận mình không biết ắt thời luống công;
Luống công ấy sự đã xong,
Lại thêm mắc lỗi lại không biết mình;
Biết mình mới thật văn minh,
Mới nên quân tử mới thành trượng phu.
Muôn loài thấy có chân nguyên,
Ấy là chính lý đương nhiên giữa đời;
Kìa xem cảnh cuộc đất trời,
Nếu không Thiên Chúa vậy thời ai sinh?
Và thêm nhiều chứng đĩnh ninh,
Hiển hơn ghi chép sử kinh di truyền,
Chữ Thiên, Thương Đế, Hoàng Thiên,
Tuy dầu khác hiệu, ý duyên cũng đồng.
Lòng người phải xét cho thông;
Biết mình cho tốt, mới xong con người.
Giữa trời có một Chúa Trời,
Hằng có đời đời vô thi vô chung;
Thiên liêng sáng láng vô cùng,
Oai quyền phép tắc khoan dung tốt lành;
Chí công chí thánh chí thành,
Dựng nên muôn vật tạo sanh hơn loài;
Ấy đều chân thật không sai,
Khuyên người quân tử nhớ hoài đừng quên.
Đời này giữ đạo cho nên,
Phượng thờ Thiên Chúa để đền công ơn.
Biết mình hồn tính thiên liêng,
Xác dẫu có chết hồn nguyên sống đời,
Sống đời ắt phải về nơi,
Thiên đàng Địa ngục mặc thời thân ta;
Lành không cứ, dữ không xa,
Thiên đàng đà hồng, lại xa địa hình;
Tu thân tích đức thì mình,
Địa hình ắt khỏi, Thiên đàng dựng lên;
Bấy lời hãy nhớ đừng quên,
Biết mình như vậy mới nên nhân hiền.
(NKĐp. Số 447, tr. 533-535)

. **Tu thân huấn đức**

(bài thơ chữ Nho này chỉ truyền miệng, được Lm Vũ Đình Trác ghi lại và dịch:

Ly thân ly thân ly thân,

*Luyện thân luyện thận luyện thân đạo tu
Vô phu vô phụ vô phù,
Vi phu vi phụ, phụ phù sinh linh.
Hôn linh tâm tĩnh tinh tình,
Minh tinh dạ tĩnh dục tình bất dao.
Như tạo kiến tạo bất tào,
Ba tạo thủy táo vô tạo loạn thần.
Chấp cân chính cận công cần,
Phục trung nghi cần ân cần lễ nghi.
Minh tri lịch trị chí trì,
Chí trì hữu trí, túc trì hữu canh.
Sự thanh đắc thịnh ý thành,
Vinh thanh hiển thánh lộc thành thiên cung.*

Bản dịch của Lm Vũ Đình Trác:

*Bỏ mình, bỏ thận dục, bỏ thể noa,
Luyện thân luyện thận luyện tinh thần tu.
Không chồng, không vợ không mộng ảo,
Làm cha làm mẹ để giúp đỡ mọi người.
Hôn trong tim sạch, đúng tính ngay tình,
Như sao sáng đêm thanh, dục tình không động.
Thanh tao, xây dựng, không ôn ào,
Sống tình khô cháy, không trong, loạn trí.
Cầm cân nảy mực cho ăn cần,
Phục vụ cho đúng, lễ nghi nghiêm chỉnh.
Thông suốt, biết cai trị, giữ trí lực,
Bền chí thì sáng, buông trôi thì lộn xộn.
Thanh liêm ngay thẳng sẽ thành tựu,
Siêu thăng vinh hiển, phục lộc thiên đàng.
(Công Giáo VN trong truyền thống Văn hóa dân tộc, tr. 118-119)*

Đức Cha Hồ Ngọc Cảnh là người thông thạo chữ Hán, Latinh và tiếng Pháp. Nên trong thơ văn ngài viết có nhiều chữ Hán. Nhưng không phải vì vậy mà lời văn khó hiểu hay tối nghĩa, trái lại lời văn trong sáng và dễ hiểu. Đúng như khẩu hiệu giám mục của ngài là “Kiên nhẫn giảng dạy” (In Omni patientia et doctrina)

4. TUẦN BÁO NAM KỶ ĐỊA PHẬN (Semaine Religieuse)

Tuần báo Nam Kỳ Địa Phận phát hành vào thứ năm trong tuần, in tại Imprimerie de la Mission Saigon - Tân Định và Imprimatur của Đức Cha Mossard, Vic. Ap.

Số 1, ra ngày 26 Novembre 1908, và đình bản ngày 01-01-1945, số 1845. Mục đích và Nội dung đã được trình bày trong “Bốn Quán kính cáo”: *Trong Nhựt báo sẽ biên luận về những điều sau này: Đạo Lý, Phong hóa, Bá nghệ, Bát học, và Văn tín.* Ngay cuối lời mở đầu thấy tóm gọn bằng mấy vần thơ mộc mạc :

*Nam Kỳ Địa Phận Nhựt trình chung,
Lương giáo hai bên mặc thích dùng:
Giáo, Hóa, Công, Văn, bày lễ chánh,
Sĩ, Nông, Công, Cỏ, tỏ đường cùng,
Dám khuyên chư vị lòng quang cố,
Hãy rón với nhau đau vốn hùn;
Như thế mau mau vào tấn bộ,
Ất là hôn xác đặng vui hung.
(CÁU KHO, NKĐP số 1, 1908, tr. 4)*

Mỗi số có nội dung gồm các mục: Tòa Thánh Roma, Châu Tri Đức Giám Mục Địa phận Sài gòn, Lời Kinh Thánh, Đạo Lý, Hạnh Các Thánh, sự tích phép lạ, Những gương lành, sự tích các cha đã qua đời. Phong Hóa, Thương mại, Nuôi súc vật, Thiên văn, Thi Phú và Ca vịnh, Truyện giải buồn, Chữ Quốc Ngữ tân văn, Các bài thuốc.

Riêng mục Thi Phú và Ca vịnh rất phong phú và tư tưởng đa dạng. Linh mục P. Lục, người Qui Nhơn đã viết loạt bài về “Văn Chương An Nam” (Littérature) Khởi đăng từ số 176 năm 1912, (ttr. 297-301), và các số tiếp sau, số 178, (ttr. 363-365), số 181 (ttr. 379-382), số 182 (ttr. 411-414), số 184 (ttr. 428-431). Từ số 190, Ngô Hữu Công viết thay cha P. Lục mắc việc khác, (ttr. 520-524), số 192 (ttr. 559-566), số 194 (ttr. 688- 689), số 196 (ttr. 717-719), số 202 (ttr. 816-817), số 203 (ttr. 833-836), số 205 (ttr. 865- 868) số 207 (ttr. 894-895).

. Nói về đạo Thiên Chúa:

*Lược bày đàng đạo Chúa trời,
Thánh kinh chép để mọi lời đĩnh ninh;
Thuở còn trời đất chưa sinh,
Đã có một Chúa chỉ linh đời đời;
Thường sinh tự hữu toàn tài,
Chỉ phán một lời trời đất liền phân. (NKĐP. số 181, tr. 380)*

. Về Tạo Hóa

*Chữ rằng: sự hữu thì chung,
Vật phân bốn mặt, lẽ công chẳng tà.
Ấy là Đại Phụ người ta,
Chánh giao gọi là Tạo hóa cần khôn.
Chỉ linh, chỉ mỹ, chỉ tôn,
Vô hình, vô xứ, toàn thân toàn tài;
Nhứt nguồn tự hữu đầu hai?
Thường sinh, thường vượng có a bằng Người
(NKĐP. số 181, tr. 381)
Khuyên đừng ham hố sự đời này,
Đổi chác nên hư có một giây.*

. Sinh nhật Đức Mẹ

*Hôm nay Đức Mẹ sinh ra,
Khắp Hội Thánh tung hô tán tụng;
Đặng tin lành hoan hí bội gia:
Khắp khởi tạ cá khôặng nước,
Hón hờ như hạn cá gặp mưa.
Muôn dân còn trong chôn tối tăm,
Màng thấy Sao mai đã tỏ rạng... (NKĐP. số 183. tr. 411)*

. Một sự nhện chín sự lành:

*Đã hay khôn khéo nào quá lẽ,
Câu nhện đã hơn, mà lại khoe,
Giùm miệng đưa khôn khuấy nhỏ to,
Thìn lòng già dại yên già trẻ;
Làm thình nghĩ nghị có khi hơn,
Hổng tống lấu lau không thể nhẹ,
Cãi cọ kìa ai dặn những người,
Giả ngu qua ả, ca thường kể.
(Đ. Hồ Ngọc Cán, NKĐP. số 278, 14-3-1914, tr. 298)*

Hàng năm số đầu năm nêu ra lập trường cho cả năm qua bài *Minh Niên Khánh Hỉ*:

*Mừng Chư Tôn đôi chữ ninh khương,
Mọi sự bình an trong năm mới;
Chúc Quý Vị một câu vịnh thời,
Trăm đều thanh lợi trần gian.
Thanh bề gia thuộc thanh bề cuộc sinh giai,*

*Phụ tử phu thê đồng hòa hảo;
Lợi nghiệp nông tang lợi đảng thương cô,
Sư đồ bạo phụ thấy vinh vang.
Đảng đạo hạnh càng ngày càng tấn tới;
Bước Văn minh một lâu một chững chàng.
Cuộc Nam Kỳ khai sáng có sáu năm,
Cảm ơn trên đủ lòng quảng cố;
Tờ nhật báo phát ra nhiều số,
Nhờ Chư Vị hứng dạ khán quang.
(NKĐP, số 317, 11-2-1915, tr. 89)*

Ngoài thơ, thể văn xuôi hoặc dịch đã chiếm nhiều trang của số báo để dạy giáo lý, chú giải Kinh Thánh, lịch sử Giáo Hội, gương các Anh Hùng Tử Đạo VN, tiểu sử các linh mục VN hay Thừa Sai,

Mỗi số nơi trang 1, có phần Lời Kinh Thánh phần bài giải thích bài Phúc Âm Chúa nhật do Mathêu Đức phụ trách. Dưới đây trích dẫn một câu Phúc Âm trong lễ Chúa nhật I sau Lễ Phục Sinh:

*“Chiều bữa ấy là ngày thứ nhứt trong tuần, khi cửa nẻo còn đóng lại, nơi môn đệ tụ hiệp cùng nhau, vì sợ quân Giuđêu, thì ĐCG đến, và đứng ở giữa mà phán cùng họ rằng: Bỏ an cho bay. Phán lời ấy đoạn, người tỏ cho họ ông ấy xem hai tay và cạnh nương long. Vậy các môn đệ vui mừng, vì đã thấy Chúa” (Ga. 20,19-20).
(NKĐP, số 323, 1-4-1915, tr. 177)*

Nam Kỳ Địa Phận còn dịch cả Cựu Ước, câu chuyện Abraham vâng lời đem con lên núi giết con làm của lễ.

“Rồi người lấy củi, chất lên vai Isaac, còn người thì cầm guom và lửa mà đi. Hai cha con lặng lẽ bước tới kể một bên, Isaac bèn lên tiếng:

- Cha nè!
- Giống gì con?
- Lửa củi thì có đây, còn con thịt mà tế lễ ở đâu?
- Chúa sẽ lo cho có, ở con.

Đoạn cả hai cha con cứ trèo riết lên núi, mà chẳng nói lời gì nữa. Tới trên chót vót, ông Abraham làm một bàn thờ, sắp đống củi lên trên ấy. Rồi mới nói lại cho con hẳn mọi lời Chúa dạy đầu đuôi thế nào. Isaac nghe tỏ sự tình bèn dâng mình theo ý Chúa, như con chiên thanh sạch, chẳng chút chạy trốn chống trả, một để cho cha trói mình lại, mà đặt trên đống củi trên bàn thờ. Chút ấy, cha bèn giơ tay tuốt guom ra, hồng chém xuống, vừa nghe một tiếng trên đầu mình kêu:

- Ó Abraham, Abraham!
- Lạy Chúa, này tôi đây.
- Mày hãy hạ guom xuống, và chớ khá động đến con trẻ. Rày tao biết mày kính sợ (Đức Chúa Trời, vì mày chẳng nệ, một sẵn lòng tế lễ con một mày cho dâng vâng lời tao. (NKĐP. số 347, 16-9-1915. tr. 561)

5. LINH MỤC NGUYỄN VĂN THÍCH (Huế, 1891-1978)

Linh mục Giuse Maria Nguyễn Văn Thích sinh 22-8-1891, tại Bình Định. Song thân là cụ Tiểu Cao Nguyễn Văn Mạ (1858-1945) và bà Thân Thị Vỹ (1862-1946). Từ nhỏ cha theo học trường Dòng Pellerin tại Huế. Năm 1911, sau ba năm cầu nguyện, cha lãnh nhận phép Rửa Tội. Năm 1917, nhập tu chủng viện An Ninh Quảng Trị, và Phú Xuân, Huế. Thụ phong linh mục năm 1926. Cha Nguyễn Văn Thích đã đảm nhận các công việc: Giáo sư trường Thiên Hựu (1926-1937), Tiểu chủng viện An Ninh (1937), Tuyên úy rồi tổng tuyên úy Hương Đạo (1942), Nhiếp chính địa phận Huế (1948), Tuyên úy nữ sinh và tham gia ủy ban Ca Kịch và Sách báo (1961). Từ 1970 giáo sư chữ Hán và Triết Đông tại Đại Học Huế và Sài Gòn. Cha qua đời ngày 9-12-1979, tại Huế. Cải táng năm 1982.

Mười năm sau khi thụ phong linh mục, Cha Nguyễn Văn Thích đã sáng lập và chủ bút báo Vì Chúa. Báo đình bản năm 1945. Sau đó Cha cộng tác bài vở cho tạp chí Tổ Quốc (1945-1948), nguyệt San Vinh Sơn (1949-1958), nguyệt san Nguồn Sống (1958-1961), và Cổ Học Sứy Hoa. Khi viết báo cha lấy bút hiệu Sáng Đình, hay ghi tắt J.M.Thích, J.M.T. Cha đã sưu tập và xuất bản “Cổ Việt Phong Dao (1968). Nguyệt San Vì Chúa đã xuất bản Sáng

Đình Thi Tập. Sách dày 126 trang gồm 5 phần: Thơ Quốc Văn, Thơ Hán Văn, Thơ Pháp Văn, thơ dịch Hán Văn và Thơ dịch Pháp Văn. Một điểm cần ghi nhận là cha Nguyễn Văn Thích là con cụ Nguyễn Văn Mại. Cụ thân sinh hai lần đậu phó bảng (1885 và 1889), được bổ làm Hàn Lâm Viện. Nhiều lần làm chủ khảo các khoa thi Hương và thi Hội, và làm Thị Lang Bộ Học (1911-1912). Cha Nguyễn Văn Thích đã được hấp thụ và ảnh hưởng giáo dục lẫn văn chương của thân phụ.

Sứ điệp của thơ Sáng Đình là thế giới đức tin, do ân sủng Chúa ban.

*Bĩ cực rồi thì đến thái lai:
Nổi mừng nửa khóc, nửa vui cười.
Muôn vãn cảm đội ơn Chúa,
Bao xiết cao rao phước phận tôi.
Mấy độ gian nan còn để dạ,
Ba năm cầu nguyện đã như lời.
Thôi thôi đừng bạn cùng ta nữa.
Ôi sự công danh phú quý ôi!
(Sau khi chịu phép rửa tội, 29-6-1911)*

Sáng Đình ca tụng Đức Mẹ bằng nhiều tước hiệu trong bài “Kính Đức Mẹ lên Trời”.

*Bao giờ tôi được lên trời,
Ở cùng Đức Mẹ thì tôi phi nguyện
Ôi! lòng tôi yêu đương,
Ôi! lòng tôi mến thương
Ôi! lòng tôi mong ước
Trông xem mặt Mẹ cho tường.
Mẹ là biển mệnh mông,
Mẹ là mạch suối trong,
Mẹ là nguồn ơn thánh,
Tắm tôi sạch mát tâm hồn.
Mẹ, vùng hồng cao quang,
Mẹ, dịu dàng yếm trắng,
Mẹ, rạng ngời sao sáng,
Ôi Mẹ là cửa Thiên Đàng.
Mặt Mẹ ánh trời tươi,
Lời Mẹ tiếng đàn vui,
Lòng Mẹ đầy êm ái,
Nơi con nghỉ yên đời đời.
Mẹ là phần của tôi,
Mẹ là phần phước tôi,
Mẹ phần tôi vinh quý
Dưới đất bằng trên trời.*

Nhiều người không hiểu cho rằng theo đạo Thiên Chúa là bỏ cha mẹ. Người Công Giáo luôn trung với Chúa và hiếu với cha mẹ tổ tiên.

*Hết trung thờ Chúa đạo làm trai,
Chữ hiếu làm con dễ dảm sai.
Vẫn hiếu với trung là vốn một,
Mà trung cùng hiếu chẳng toàn hai.
Thà rằng mất hiếu trung cùng Chúa,
Hề đã không trung hiếu với ai?
Chữ hiếu ấy tình, trung ấy nghĩa,
Bên trung bên hiếu nặng hai vai. (TRUNG VÀ HIẾU)*

Nghèo mà có tâm hồn trẻ thơ đơn sơ và thành thật sẽ đẹp lòng Chúa hơn hết.

*Lúc chầu máng-cỏ tôi qua
Em thấy hai tay Chúa ngã ra*

Hai tay trắng muốt dễ thương lắm
Như muốn đòi em một món quà.
Em về em cứ nghĩ liên miên:
Trần trọc đêm nằm ngủ chẳng yên.
Nghèo khó phần em có chi có,
Muốn mua lễ vật lại không tiền.
Mai nay Thiên Thần bảo em hay
Em sẵn món quà thật rất may,
Quà em dâng Chúa đó ai biết?
Một tấm lòng đơn lữa mến đây. (LỄ QUÀ CỦA EM).

Lý tưởng sống đạo là vươn lên cao. Bài “Trên cao” mời gọi sống giao hòa với Thiên Chúa và tha nhân.

Trời mênh mông,
Biển mênh mông,
Ta trèo lên gành đá chập chông,
Nhắm xem vũ trụ cho biết vô cùng là đến đâu và đâu.
Trên thì mây, dưới nước một màu,
Gió đưa phát phát phát như đem ta đứng giữa bầu hư không.
Vội nụ cười tươi đẹp và trẻ trung,
Giang tay ôm lấy khoảng trời không ta đem về.
Dài dằng dằng, dài đặc đặc cái ngày hè,
Thanh niên ơi! hãy hưởng lấy cho no nê cái thú này.
Trời trời, nước nước mây mây.

Cha Nguyễn Văn Thích đã dịch viết thành thơ bi kịch Polyeucte của Pierre Corneille (1606-1684) với nhan đề “Tuồng Phở Liệt”. Tuồng này đăng trong báo Vì Chúa năm 1940. Đã nhiều lần công diễn và được khán giả hâm mộ. Thơ của Linh Mục Nguyễn Văn Thích đã được phổ nhạc. Chính Cha đã sáng tác các bản nhạc: Trời cao đất thấp gặp nhau, *Linh hồn tôi ngợi khen Chúa, Lạy Đức Mẹ La Vang, Mười hai cái mến, Bao giờ tôi được lên trời, Cái nhà là nhà của ta, Nguồn Thật...*

6. THI SỸ HÀN MẶC TỬ (Đồng Hới, 1912-1940)

Hàn Mặc Tử tên thật là Nguyễn Trọng Trí sinh ngày 22-9-1912 tại Mỹ Lệ, Đồng Hới, trú ngụ tại Qui Nhơn. Mồ côi cha từ nhỏ nên sống trong cảnh đơn nghèo. Bỏ dở học hành từ Qui Nhơn vào Sài Gòn làm việc cho sở đặc điền, bị bệnh và mất việc. Quay sang viết báo một thời gian rồi trở ra Qui Nhơn. Bị bệnh cùi và chết tại nhà thương cùi Quy Hòa, ngày 11-11-1940.

Các tác phẩm của Hàn Mặc Tử : Thơ Đường Luật (1935), Gái Quê (1936), Đau Thương (3 tập, 1937), Xuân Như Ý (1939), Thương Thanh Khí (1940), Duyên kỳ ngộ, Quán Tiên Hội và Chơi giữa mùa trăng.

Thi ca của Hàn Mặc Tử có nguồn hứng từ tôn giáo, nhiều nhất là Công Giáo. Phê bình về Hàn Mặc Tử, Hoài Thanh và Hoài Chân (người ngoài công giáo) đã viết trong Thi Nhân Việt Nam như sau : *Với Hàn Mặc Tử, Chúa gần lắm. Người đã tìm lại những rung cảm mạnh mẽ của tín đồ thời thượng cổ. Ta thấy phảng phất cái không khí Athalie. Cho nên mặc dầu tinh thoảng còn sót lại một hai dấu tích Phật giáo, chắc những người đồng đạo chẳng vì thế mà làm khó dễ chi với di thảo của thi nhân. Huống chi thơ Hàn Mặc Tử ra đời, điều ấy chứng rằng đạo Thiên Chúa ở xứ này đã tạo ra một cái không khí có thể kết tinh lại thành thơ. Tôi tin rằng chỉ những tình cảm có thể diễn ra thơ mới thiết là những tình cảm thấm tận đáy tâm hồn đoàn thể. (Thi Nhân Việt Nam. Thăng Mồ. Hoa Kỳ, tr 311)*

Vũ Ngọc Phan xác nhận: *Thơ tôn giáo đã ra đời. Tôi dám chắc rồi đây còn nhiều thi sỹ Việt Nam sẽ tìm nguồn hứng trong đạo giáo và đưa thi ca vào con đường triết học, con đường mới, rất xa x#m mà đến nay chưa mấy nhà thơ dám bước tới. (Nhà văn hiện đại. Sống Mới. Q 2. tr. 769)*

Thơ của Hàn Mặc Tử càng sáng chói lên càng đượm thêm niềm tin sâu xa vào Thiên Chúa và Trinh Nữ Maria. Lần đầu tiên, đem niềm tin tôn giáo vào thi ca. Thơ của ông được cảm hứng bởi Thánh Kinh, những tràng chuỗi Mân Côi và say đắm khi cầu nguyện.

. Đối với Thiên Chúa. Thi sĩ minh xác: Đức Chúa Trời đã tạo ra trăng, sao, hoa nhạc, hương là để cho con người hưởng thụ, nhưng người đời u mê phần nhiều không biết tận hưởng một cách say sưa, và nhân đây chiêm ngưỡng lễ mầu nhiệm phép tắc của Đấng Chí Tôn.

Thơ của Hàn Mặc Tử đượm vẻ thanh cao. Tư tưởng cao siêu này khơi nguồn trong Sách Sáng Thế “*Khởi đầu Thiên Chúa sáng tạo trời đất, ánh sáng, thảo mộc, trăng sao, sinh vật và con người*” (x. St 1,1-31)

*Chúc tụng Thiên Chúa vì những kỳ công của Ngài
nhất là ánh mặt trời
qua anh Chúa đã thương ban cho ngày và ánh sáng;
anh tươi đẹp tỏa hào quang sáng láng,
vì anh là biểu tượng của Thiên Chúa,
chúc tụng Thiên Chúa
vì Chúa đã cho chị Trăng và những vì sao:
trên bầu trời chứa đựng, tỏa ánh sáng đẹp xinh.
(MẶT TRỜI)*

*- Thiên địa đắm hoang mang...
Là đương khi thờ lạy cả Thiên Đàng,
Bay những tiếng tung hô thánh đức
Muôn thần phẩm trong láng láng châu chực,
Ánh hào quang chan chói ngất lưu ly,
Ôi! Cao sang khôn ví, trọng ai bì...
Trên nước cá có vô vàn châu báu,
Trí rất ngóp, bởi chung xuân hồn hậu
Đã ra đời, theo lệnh của Ngôi Hai...
Ôi! Thánh tai, thánh tai và thánh tai. (RA ĐỜI)*

Một niềm khao khát ấp ủ trong lòng thi sỹ là Phúc Âm được liên tục rao giảng.

*Cả trời bổng diêu diêu như báu vờ
Nên tiếng vang thâm dội đến thâm tâm
Mà ta ngỡ đáng Tiên tri muôn thuở
Giữa đêm nay còn đứng giảng Phúc âm
(NGUỒN THOM).*

Cầu nguyện đề ca tụng kỳ công của Thiên Chúa trong cảnh vật bốn mùa. Cầu nguyện là nhu cầu cần thiết để lướt thắng những đau khổ thể xác.

*- Trời hôm nay bình an như nguyệt bạch,
Đường trăng xa, ánh sáng tuyết vời bay
Đây là hương quý trọng thắm trong mây
Ngời phép lạ của đức tin kiều diễm...
Ta chấp tay lạy quì hoan hảo,
Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian
Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng đế.
(ĐÊM XUÂN CẦU NGUYỆN).*

*- Lạy Chúa tôi, vàng trắng cao giá lắm,
Xin ban ơn bằng cách cho ánh thêm lên
(VẮNG TRẮNG)*

*- Hãy cầu nguyện bằng trăm kính mây gió
Hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao
(TỰA XUÂN NHƯ Ý)*

*- Trăng đang nằm trên sóng cỏ
Cỏ đưa trăng tới bờ ao
Trăng lại đắm mình xuống nước
Trăng nước đề lạng nhìn nhau (HỒN LẢ AI?)*

. **Bài Thánh Nữ Đồng Trinh Maria** (Ave Maria) ý thơ lấy từ Thánh Kinh Tân ước (Luca 1,18) “*Kính chào Trinh Nữ đây ơn phúc Thiên Chúa ở cùng bà*”. Bài thơ được sáng tác trong trạng thái nửa thực nửa hư, tay lần chuỗi kinh “Ave, Ave, Ave... liên tục”

*Như song lộc triều nguyên ơn phước cả
Dâng cao dâng thần nhạc sang hơn trắng,
Thơm tho bay cho đến cõi Thiên Đàng
Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể...
Lạy bà là đáng tinh truyền thánh vẹn,
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi...
Hỡi sứ thần Thiên Chúa Gabriel,
Khi người xuống truyền tin cho thánh nữ
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?
Người có nghe náo động cả muôn trời.
(THÁNH NỮ ĐỒNG TRINH MARIA)*

Cuối đời Thi sĩ tuyên xưng “*Thiên Chúa là tình yêu*” và đạo của Chúa là “*đạo tình thương bác ái yêu thương*”.
Mở đầu bài Pureté de l’âme, ông viết:

Hỡi các vị thiên thần trên Trời, thiên thần của Chúa, thiên thần của hòa bình và hoan lạc, xin hãy mang lại cho tôi một vòng hoa. Tôi muốn tắm trong bể ánh sáng và lòng yêu thiêng liêng. Bởi vì dưới cõi trần gian, đã thành tựu nhiều phép lạ nó làm cho người ta phải ghen ngạo vì khâm phục khi ngưỡng vọng cái sự nghiệp thần bí của Đấng Tái Cao... (François Tré, Deo gratias. Đêm 24-10-1940)

Theo Thi sỹ, người tri kỷ của thi sỹ phải là bậc cao quý, toàn năng toàn tài, một đáng mà thi sỹ nhận lấy như là hết cả mọi sự. Đáng ấy là Đức Chúa Trời. Thi sỹ chỉ có thể trút hết hận tình với Đức Chúa Trời, kể lể hết niềm đau thương với Người, dâng cho Người những bài thơ sáng láng anh hoa. Thế mới là mãn nguyện. Vì Đức Chúa Trời đã tạo ra thơ ở thế gian này, nhưng thi sỹ là người khao khát vô tận, cứ nhất định muốn hưởng cái thơ trên cái to khác nữa. Chỉ có Đức Chúa Trời mới vừa lòng thi sỹ. Cho nên tất cả thi sỹ ở trong đời phải qui tụ, phải đi khơi mạch thơ ở Đức Chúa Trời. (Quan niệm về thơ viết cho Trọng Miên, Juin, 1939).

Vì thế trách nhiệm và nguồn cảm hứng của “*Thi sỹ không phải người thường. Với sứ mệnh của trời, thi sỹ phải biết đem tài năng ra ca ngợi Đấng Chí Tôn, và làm cho người đời thấy rõ vẻ đẹp câu thơ, để đưa nhau nhìn nhận và tận hưởng. Những thi sỹ nào không biết đem tài ứng dụng vào chỗ tốt đẹp, thì sẽ bị Đức Chúa Trời lấy tài lại một cách nhân tiền...*”

Nhạc sỹ Hải Linh đã phổ nhạc bài Ave Maria (1988). Và Phạm Duy đã sáng tác Trường ca Hàn Mạc Tử (1994).

III. CÁC THI SỸ MỚI ĐƯƠNG THỜI

Ngày nay có nhiều thi sỹ mới, viết cho nhiều tờ báo, như Nam Kỳ Địa Phận (xuất bản tại Sài Gòn, năm 1908), Trung Hòa nhật báo (1923), Tuần báo Công Giáo Đồng Thanh (1927), Nguyệt san Sacerdos, khởi đầu là Sacerdos Indosinensis (1927), Nguyệt san Vì Chúa (Huế, 1936), Đa Minh bán nguyệt san (Bùi Chu, 1940), Tuần báo Tiếng Kêu (Phát Diệm, 1947), Tuần Báo Đường Sóng (1955), Nguyệt san Việt Tiến (1959), Tuần báo Thăng Tiến (1962), Nguyệt san Tinh Thần (1964) Nhật Báo Xây Dựng (1964), Nguyệt san Sóng Đạo (1970), Tạp chí Phụng Vụ (1970), Tạp chí Đông Phương (1970), Dân Chúa Mỹ Châu (1977), Trái Tim Đức Mẹ (MO.1978), Dân Chúa Âu Châu (1982), Giáo Xứ Việt Nam (Paris, 1984), Dân Chúa Úc Châu (1984), Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp (TX, 1985), Thời Điểm (CA, 1991), Mục Vụ (Thụy Sỹ), Hiệp Nhất (CA.1992), Thánh Gia (Lyon), Lời Chúa (Yvelines)...

Nhiều tác giả đã xuất bản thành sách, tập thơ hay phổ biến trên Internet.

1. LINH MỤC LÊ XUÂN MÀNG

Linh Mục Gioan Baotixita Lê xuân màng sinh năm 1911, tại Cổ Vưu, Quảng Trị, thụ phong linh mục năm 1941. Từ 1978, Cha cư ngụ tại Aix en Provence, Pháp. Thơ của Cha được đăng tải trong các báo: Linh Mục nguyệt san, tập san Nguồn Sống, Tập san Đức Mẹ La Vang, Nguyệt san Tiếng Gọi Tình Thương, Thân Ái, Hiện Diện, Giáo

Xứ Việt Nam, Nguyệt San Độc Lập, và Dân Chúa Âu Châu. Cha đã xuất bản 5 tập thơ tiếng Việt, vào các năm 1990, 1991, 1992, 1998, 1999. Và hai tập bằng tiếng Pháp (1993, 1994)

Mục đích viết và xuất bản thơ của Cha đã ghi trong lời mở đầu và kết thúc tập thơ xuất bản năm 1990:

- *Lời đầu như lời cuối*
Muốn nói chữ tạ ơn
Chúa Trời, thương quá đỗi
Bởi Chúa là tình thương
- *Chúa ơi ! Quyết chẳng cho con!*
Nhưng, cho Danh Chúa Sáng Luôn! thôi mà.

Trong bài “Kiếp Thơ”, tác giả thú nhận “sáng tác thơ” một cách dễ dàng, bất cứ nơi nào, “sớm khuya”. Và chính thơ đã làm cho thi sỹ cảm thấy thích thú và say mê.

Chẳng biết rồi ai thương thức Thơ,
Mà rầy khuya sớm cứ ra Thơ,
Hay là cái kiếp Thơ ấy
Muốn sống cùng thơ, chết với Thơ
Thú làm Thơ Việt, nếm cho cùng,
Vừa đọc lại vừa bấp vé rung!
Đúng điệu đúng vẫn là đúng thích,
Dẫu rằng cảm kích giữa mông lung!

Màu nhiệm Chúa Giáng Sinh là đề tài Cha khai bút cho tập thơ xuất bản tại Toulouse, năm 1990, gồm 16 bài.

Hôm nay, thật biết bao người
Hân hoan kỷ niệm Ngôi Lời Giáng Sinh!
Tôn vinh Thiên Chúa Cứu Tinh
Hẳn là nhiệm vụ sanh linh mọi thời!
Mọi thời đại xưa, nay,
Cho tới ngày thế mạt,
Biết lấy gì đền đáp
Ơn Cứu Chuộc cao dày. (GIÁNG SINH CỨU THẾ)

Nguồn tư tưởng dồi dào chan chứa hơn của thi sỹ là về Đức Mẹ. Tập thơ nào tác giả cũng dành nửa số bài viết về Đức Trinh Nữ Maria. Tinh Thánh Mẫu Maria tỏ hiện qua các lần hiện ra với đoàn con. Ở Việt Nam có La Vang, Pháp có Lộ Đức, Bồ Đào Nha có Fatima và nhiều nơi khác.

- *Thấy Lộ Đức, dập đầu tấp nập,*
Tự do về, tràn ngập nẻo đường
Càng xui khiến, lòng đau dạ thắt,
Nhớ La Vang ! Nhớ khắp Quê Hương.
(VỀ LỘ ĐỨC! NHỚ LA VANG!)
- *Trẻ, Già cùng đặt một Triều Thiên*
Trên Đỉnh Đâu cao của Mẹ Hiền
Tự cỡi Fatima đến Huế !
Thương con, không thể cứ ngồi yên !
(DẮNG TRIỀU THIÊN CHO MẸ)

Tinh thần truyền giáo được tác giả quan tâm và khao khát “*Hạt giống Phúc Âm có gieo, có người gặt*” của những người có tâm hồn quảng đại và thiện chí.

Hạt giống Phúc Âm,
Ai gieo? Ai vãi?
Đồng lúa chín vàng,
Ai gặt? Ai hái?
Ai là người phải để tâm lo,
Cộng tác hết mình, chẳng đắn đo,

*Bằng việc nguyện kinh, bằng hoạt động,
Bằng nhiều phương thể Chúa ban cho.
(TINH THẦN TRUYỀN GIÁO)*

Tuổi trẻ được thi sỹ kính trọng và đặt tin tưởng nhiều hơn cả.

*Tuổi trẻ là thơ,
Tuổi trẻ là mơ,
Chứa chan hy vọng,
Không bến, không bờ!
Tuổi trẻ vươn cao,
Mắt sáng như sao,
Đuổi theo Lý Tưởng
Bộc phát thuở nào! (TUỔI TRẺ)*

Cậy tin và noi gương các thánh. Đời sống của các thánh đã ảnh hưởng đời sống nội tâm và hướng dẫn tư tưởng tác giả. Coi nhẹ sự chết như Thánh Phan Sinh. Tin yêu phó thác như Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu. Hy sinh bất chấp gian khổ tù đầy như các Thánh Tử Đạo VN. Thủy chung cần cù làm việc như Thánh Giuse.

*- Anh hùng Tử Đạo được biểu danh,
Hiển Thánh Lạc Hồng tạc sử xanh,
Giáo Hội Việt Nam rày mở mặt,
Năm châu đều phục những gương lành
- Thánh cả Giuse
Là Thánh Quan Thầy người lao động,
Nghề mộc, nghề nông, như mọi nghề,
Vất vả đã ghê, đường mưu sống!
Thiên Cung còn hướng tim về. (THÁNH CÁ GIUSE)*

Tác giả dành nhiều bài đề cao tài đức, kinh nghiệm của hàng giáo sỹ đương thời VN, tình yêu gia đình, bạn bè xa gần và người xa nhà. Theo tác giả, người ty nạn rất đáng thương. Nên đem tình thương đùm bọc. Không hững hờ theo truyền lầm đau lòng kẻ xa nhà, xa quê hương.

2. VÂN UYÊN

Vân Uyên là bút hiệu của Bác sỹ Nguyễn Văn Ái, sinh năm 1920, tại Hà Nội. Khi ở Việt Nam bác sỹ làm viện trưởng viện Pasteur Việt Nam, đồng thời hoạt động Công Giáo Tiên Hành trong Pax Romana, trụ sở tại nhà thờ Tân Định. Qua Pháp Bác sỹ là trưởng ban Mục Vụ Gia Đình và giảng viên khóa Chuẩn Bị Hôn Nhân của Giáo Xứ Việt Nam Paris. Vân Uyên đã xuất bản ba tập thơ : Những Vân Lưu Niệm (1996), Tình Thơ (1997) và Duyên Kiếp Thiên Tình (1999). Hiện nay, một số thơ của Vân Uyên được phổ biến sâu rộng trên Site Internet: <http://perso.wanadoo.fr/vanuyen>.

Bút hiệu Vân Uyên của bác sỹ Nguyễn Văn Ái, rất đơn giản là đọc nhẹ nhàng từ hai chữ trong tên Văn Ái.

Không như bạn bè cắt nghĩa : Vân là mây, Uyên là con chim khuyên trống, một mình tung tăng hót kêu trong mây. Ý nói ngày nay chỉ còn một con chim trống, bác sỹ Ái, đơn độc kêu trong mây mà không có chim mái chấp đôi họa lại. Vì hiện thế của ông đã qua đời. Đây cũng phù hợp với khu vườn sau nhà bác sỹ. Chiều chiều trên tường rào ngăn cách với đường phố náo nhiệt, thỉnh thoảng có chim mái bay lượn hót rồi bay đi, làm thi sỹ trong nhà nhìn ra băng khuâng nhớ vợ hiền năm xưa. Cũng trong sân này, xưa kia hai vợ chồng sánh đôi. Nay kẻ ở người đi.

Hay một ý kiến khác của độc giả ham mộ quý mến cắt nghĩa : Vân là mây, Uyên là tình yêu. Vân Uyên là tình yêu trên mây. Nghĩa là, hiện tại, thi sỹ không sống bằng tình yêu thực tại nữa, mà gửi trái tim nơi mây gió cung trời cao xa. Nơi có người vợ hiền đang hưởng phúc vĩnh cửu.

Bạn bè có lý khi tìm hiểu sâu xa về nguồn thơ của Vân Uyên. Ngày 01-01-1996, bà bác sỹ Lucie Nguyễn Tuyết Lan, hiền thê của bác sỹ Nguyễn Văn Ái qua đời, năm 70 tuổi. Để lại lối suy tư mới sau cái chết của người bạn

đời. Trong sự chết có cái gì lạ lùng. Chết đưa đến sự sống, lâu dài hơn bên Thiên Chúa. Người ra đi để gặp Thiên Chúa. Và kẻ trước người sau sẽ có ngày gặp lại nhau bên Nhan Thánh Ngài. Tình yêu chung thủy đích thực chỉ tìm được nơi Thiên Chúa, chứ không ở những ngày chung sống ở trần gian. Tư tưởng thần học đạo lý thâm sâu này được diễn tả trong hai câu của bài thơ “Khởi Trầm Hương” :

*Thiên nhan hẹn ước trời cao
Mặt nào nhìn mặt, tay nào cầm tay.*

Từ bài thơ mở đầu sự nghiệp văn chương thi phú trên, xin được tạm xếp luồng tư tưởng của tác giả qua những nét chính:

1) Vân Uyên viết thơ ca tụng tình yêu, tả cảnh thiên nhiên. Nhìn nét đẹp của trời đất hoa lá cỏ cây, cảnh vật thiên nhiên tạo vật, đẹp vô cùng, không ai vẽ tả được, luôn với tấm lòng cảm phục và say mê.

• Tình yêu tạo dựng nơi con người tạo thành vợ chồng là một huyền nhiệm

*- Nguồn thiêng mạch sống lứa đôi
Thần linh Nhiệm thể hướng tới tình chung. (TÌNH CHUNG THỦY)
- Xác hồn ngủ lặng thình
Hoa tươi gió rung rinh
Vẳng xa tiếng chim hót
Thanh thót nhắc thiên tình (TÌNH TIÊN ĐUA)*

• Nhìn “rừng hoa cúc”, “chim lượn gọi đôi”, “lá rơi” và “mây nổi” nơi nghĩa trang, tác giả cho đó là “bao ơn lạ”.

*Kiếp xưa chung gánh bao ơn lạ
Đến tạ tình ai, đạo thiếp chàng. (RỪNG HOA CÚC)*

• Gọi lại mốc thời gian trôi qua mau, như 50 năm thành lập Giáo Xứ Việt Nam Paris (1947-1997), Vân Uyên cho đây không phải chỉ là kỷ niệm mà còn phải tạ ơn kèm theo lời hứa, làm rạng danh Thiên Chúa.

*Tay lần giờ hồ sơ báo cũ
Lòng ứa trào ơn tạ Trời cao.
... Giữ giới răn cầu duyên Thiên ước
Rạng danh Cha xác tín Lời ban
Ơn an ủi là ơn trọng thánh
Thanh bình ơn vĩnh phúc Thiên An.
(HƯƠNG THOM KỶ NIỆM)*

• Mỗi giây phút trôi qua, ngày đêm thay đổi đều mang sinh khí mới cho con người hưởng dùng. Thọ tạo phải cảm mến và tin yêu hơn nơi Đấng Tạo Thành.

*Ai đưa tôi đến ngày đêm,
Ai đưa tôi đến bên thêm thời gian.
... Ngày đêm, kết mối duyên thân,
Đắm say ơn phước tới gần lứa Tin.
Ý thiêng linh động nhịp tim,
Hướng đời là hướng Lời tìm gọi Yêu. (NGÀY ĐÊM)*

• Đường như đứng trước bất cứ cảnh vật thiên nhiên nào, tác giả cũng đem ra lời giao ước, phải đổi mới con tim và con người. Đọc lời kết luận bài “Xuân Thiên Ước” viết vào Tết Canh Thìn 2000, sẽ thấy rõ

*...Nhiệm màu nhắc nhớ
Con người mới.
Tân Tạo muôn đời
Bốn bộ kinh.*

2) Viết về Thiên Chúa, và Thánh Mẫu Maria, Vân Uyên cho là khó. Vì nhiều sách vở, nhiều người thông thái đã viết đi viết lại cả rồi. Lịch sử của cả ngàn năm trước, làm sao viết cho người của thế kỷ 20 hiểu. Thật khó. Nhưng chân lý vẫn là sự thật, cần tin vào Phúc Âm, như Vân Uyên xác nhận:

*Người, Trời. Sóng chết tơ vương.
Phúc Âm. Là phúc. Chung đường cùng Ai...
(Đọc Phúc Âm)*

Khi đọc những bài viết về đề tài này, mới thấy tác giả có lối diễn tả độc đáo. Đó là lấy từ sự kiện hay biến cố của xã hội hôm nay gợi lại sự kiện trong Thánh Kinh hay Giáo Sử năm xưa.

• Trang sử Việt Nam mới ai cũng rõ, trong những năm qua, đất nước chúng ta trải qua bao đau thương tang tóc làm cho mẹ quê hương sầu khổ đau đớn. Làm nhớ lại cách nay 200 năm, Đức Mẹ La Vang cũng đau khóc cho số phận con dân đất Việt. Tất cả con dân Việt Nam nguyện xin Mẹ dẫn đưa về tới thiên đàng, cõi phúc lâu bền. Xin đọc hai đoạn đối chiếu lịch sử trong bài “Mẹ Sầu Bi” mới thấy cách diễn tả tài tình và lối dùng chữ của tác giả.

*... Bóng tiền sử phủ phàng di động biển
Mộng hồng trần mù mịt ngã đường đi...
Nơi hoang đảo... chim trời kêu lạc tiếng
Gọi xót thương... con dại... Mẹ sầu bi !
... Hai trăm năm Thánh Nữ hiện đâu đây
Lau ngấn lệ biết bao đời nức nở...
Linh thiêng hỡi ! Gỡ hộ mối sầu vương
Xác bênh bông... bèo bọt... sóng đại dương
Lùa gió hú... bão mùa gào thê thảm
Thối buồm tang... địa ngục... tới thiên đường...*

• Hình ảnh khổ giá trên Đồi Thánh cách nay 2000 năm, được tác giả phác họa có mặt đủ 4 người đại diện: Đức Mẹ Maria, Tông Đồ Gioan, bà Madalêna, và người cùng bị kết án chết. Người có mặt trên đồi cao năm xưa, và những tín hữu say đắm Thánh Giá hôm nay cùng mang tâm tình sám hối ăn năn trở về.

*... Gắn Mẹ bên Gioan
Mệnh bạc hồng nhan
Giang hồ tử tội.
... Thánh của ai niềm tin phút cuối
... Của những người phẫn bội kiếp người
Xin ơn xá hối
Tình cha tình con
Linh khí sắt son
Hừng lời hấp hối
Mở đường tình mới... (CAY THẬP TỰ)*

• Có chết mới có sống. Có Thánh Giá mới có Phục Sinh. Đó là “Nguồn ân ái đời từ muôn thuở”. Con người chai đá mấy cũng phải nhận ra chân giá trị của Thiên Chúa Tình Yêu.

*Tân Cựu Sám Truyền ngàn trang Giáo sử
Trang lần trang ánh soi đường sáng tỏ
Chỉ là yêu mong ngóng tìm yêu
Hỡi tim người! Trai đá cũng xiêu xiêu.
(Tình Ta với TÌNH, Phục Sinh 2001)*

• Không ai quên lãng, tất cả đều trông đợi sống lại, đời sống mới.

*Thông tuệ lãng quên
Nguồn tạo hóa.
Thủ tâm chìm nổi
Cõi u minh.*

*Đường yêu thù thách
Ngàn năm tới
Mù điếc khó nghèo
Đợi Phục sinh. (XÁC LINH HỒN)*

- Kinh Magnificat được tác giả lồng gói trong những vần thơ điệu luyện, qua bài “Ngợi Khen Ai” (Lc 1, 46-55)

*Tâm trí hồn tôi hiển lộng vui
Dâng lời khán hạ ngợi khen Ai.
Chúa tôi là chúa ngôi Thiên Chúa
Cứu chuộc, cứu tinh, cứu độ tôi.
Chúa đoái thương tôi, gieo ánh mắt
Ngó xuống nô tỳ phận nhỏ nhoi.
Từ đây hậu thế vang kinh kính
Truyền kiếp mừng tôi được phúc Trời.
Thiên tính Toàn Năng, tên gọi Thánh,
Cho tôi kỳ diệu mọi an bài.
Đời đời thương xót tràn lan tới
Ưu ái cùng ai mến sợ Ngài.
Thẳng tay, mãnh liệt tan tành đánh
Những kẻ tâm chuyên cao ngạo thôi.
Nâng giắc, đỡ lên người khiếm thế,
Ngai vàng lật đổ kẻ quyền oai.
Của cải dư tràn cho đói khát,
Xa đuổi tay không kẻ phú tài.
Cứu Dân Thiên Chúa, tôi trung tín,
Ghi nhớ muôn đời, hứa với ai... (Phục Sinh, Năm 2001)*

3) Tư tưởng chia sẻ thông cảm man mác trong thơ Vân Uyên.

Vui buồn của người khác là vui buồn của mình. Chia sẻ với bạn bè, khi có người thân qua đời. Thương giúp rộng tay bác ái những nạn nhân thiên tai, hay bị phá hoại:

- Đôi hàng tâm thành chia sẻ cùng nhà thơ CUNG CHI khi mất mẹ trong bài “Tình Mẹ Tình Con”.

*Nước nở câu kinh... lệ lệ rơi
Thốn thức lòng con... mẹ mẹ ơi !
Khăn xô dấu thánh tay dâng lễ
Quì gối hương yêu nguyện ý Trời...
Khóc mẹ... như xưa Mẹ khóc Con.*

- Kính viếng hương hồn Anh Huỳnh Minh Châu, phu quân nữ sỹ Minh Châu và chung lời cầu nguyện với tang quyến.

*Con thuyền nhất thể, biển đời.
Bến thiêng, nửa xuống
Nửa ngồi quanh hieu.
Sáng danh nguyện sớm kinh chiều.
Mân côi lần chuỗi
Tín điều tạc ghi. (CON THUYỀN NHẤT THỂ)*

- Bài “Âm Khí Mịt Mù” chạnh lòng xót thương 7.000 nạn nhân trong ngày đại khủng bố rừng rợn tại New York, Washington, Pittsburg, Hoa Kỳ, ngày 11-09-2001

*Ngác ngờ... tim thất... nói sao đây?
Lửa phun còn bụi... khói đồn mây
... Bức tường Gia Liêm
Bò vàng chỉ thiên*

*Lạc đà
sao lọt lỗ kim?
Ném đi hòn đá... ai tìm tội ai.
Nghe tiếng, thấy hình, lòng thổ thức
Không hình, vắng tiếng, có ai thương?
Từ vực thăm âm u
Vọng lại lời thập tự
Xót thương, Xót thương!*

Nhiều độc giả cho rằng đọc thơ Vân Uyên khó hiểu. Thơ của Vân Uyên viết không phải để đọc một hơi cho hết bài. Mà cần vừa đọc vừa suy nghĩ mới tìm được tinh túy của ý thơ. Mở một bài thơ của Vân Uyên ra, đọc một chữ chưa hiểu, đọc tới chữ thứ hai cũng chưa hiểu, phải đọc cả câu mới hiểu tác giả nói gì. Có khi đọc một hai câu chưa khám phá được tình ý người viết. Đọc một lần chưa xong, đọc đi đọc lại mới nắm được ý của thi sỹ. Chính vì thế mà thơ của Vân Uyên là những vần thơ cô đọng, ngắn. Diễn tả ý thơ vào từng chữ, từng câu. Đắn đo, cân nhắc bỏ đi giữ lại từng lời. Đây là những đặc tính trong thơ văn của một nguồn thi hứng đạo hạnh đáng kính.

4) Vân Uyên được bạn bè quý mến.

Con người của Vân Uyên đã trải rộng cùng khắp và như vẽ lại trong những vần thơ của mình. Một khi đã đọc kỹ thơ của Vân Uyên sẽ khâm phục và cảm mến. Chính vì thế, Vân Uyên được bạn bè, độc giả xa gần thương mến. Dưới đây xin chép lại bài “Vân Uyên, Uyên Bác” của Cung Chi có đôi lời “tạ lòng” với nhà thơ Vân Uyên đã “tâm thành chia sẻ”, qua bài “Tình Mẹ Tình Con”.

*Vui buồn chia sẻ với nhau
Niềm vui thêm đậm, buồn đau nhạt màu.
Vần thơ có bấy nhiêu câu
Mà sao hàm súc ý sâu đạo đời.
Tạ ơn khôn nói hết lời
Mây bay khôn dứt, vực trời khôn đo.
Chút riêng tình nghĩa nhỏ to
Vân Uyên, Uyên Bác hiểu cho nỗi lòng.
Nhớ nhau trong “tháng Cầu hôn”
Đẹp thay “Các Thánh Thông Công” bốn mùa.*

3. XUÂN LY BĂNG

Xuân Ly Băng là bút hiệu của Linh mục Gioan Baotixita Lê Xuân Hoa, sinh năm 1926, tại Vinh. Khi còn là chủng sinh, Lê Xuân Hoa đã có khiếu văn chương, và đã xuất bản bốn tập thơ : Thơ Kinh (1956) Hương Kinh (1957), Trầm Tư (1958) và Nỗi Niềm (1959) mang bút hiệu Xuân Ly Băng. Ly Băng dịch từ âm địa danh Liban mà từ nguyên tiếng Aram là màu trắng. Xuân Ly Băng là xuân của màu trắng. Năm 1959, Cha Lê Xuân Hoa thụ phong linh mục. Tiếp theo cha lần lượt làm chính xứ, giáo sư chủng viện, quản hạt. Từ 1986 đến nay Cha là Tổng Đại Diện giáo phận Phan Thiết. Năm 1998, Cha được ân thưởng tước hiệu Đức Ông. Cha là thành phần ban phiên dịch bộ Thánh Kinh tại VN. Năm 1961 Cha in thêm cuốn Nỗi Niềm và không ngừng sáng tác và cho ra đời 22 tập thơ, tập mới nhất có tựa đề “Dứt Lời Cầu Kinh”. Một tuyển tập giá trị gồm 326 bài được chọn.

Thơ của Xuân Ly Băng đã được phổ nhạc qua các bài Chuông Chiều (Hải Linh), Hát Rừng, và Khúc Hát Tình Cha (Hải Triều), Đêm Noen (Xuân Thảo), Đêm về con yêu Ngài, và Vì Ngài là tất cả (Kim Long)

Theo Xuân Ly Băng, Thơ và Kinh không còn là hai phạm vi khác nhau mà là một tác động đức tin. Thơ giao hội với kinh nguyện. Đối tượng thơ không phải thơ mộng, ảo giác, hay mơ ý tưởng, mà là quà tặng thiêng thánh, công trình của Thiên Chúa. Xuân Ly Băng mang tâm tình “Mọi sự là ơn Chúa” của Thánh Têrêsa, khi viết bài Thăng Hoa (tập Một Vùng Châu Lê, tr. 150)

*Mến yêu là từ bỏ
Mọi việc đều thăng hoa
Mọi sự vẫn còn đó
Mọi sự đã khác xa...*

*Thập giá và sự chết
Một thực tại mà thôi
Yêu là trải qua hết
Để được thấy Nước Trời
Con đừng khinh dễ chi
Mọi sự là ơn Chúa
Hãy can đảm bước đi
Dù qua nước qua lửa.*

Chủ đề về Thiên Chúa, Xuân Ly Băng đã viết bài “Noel không có Chúa” (tập Quê Hương và Tinh Đạo, tr, 92), đi sâu vào huyền nhiệm Nhập Thể và tố cáo tệ hại tục hóa lễ Giáng Sinh. Xin trích đăng ba đoạn của bài thơ dài 9 đoạn.

• “Noel không có Chúa”

*Noel :
Chúa đâu ở trong đền thờ
Ngài cũng không ở trong hang đá
Nếu không gặp Ngài trong tối tăm
Chẳng bao giờ thấy Ngài trong ánh sáng
Nếu không gặp Ngài trong nghèo khổ.
Chẳng bao giờ thấy Ngài trong cao sang
Nếu không gặp Ngài ở dưới đất
Chẳng bao giờ thấy Ngài cõi thiên đàng. (đoạn 5)*

*Noel:
Chúa đâu ở trong đền thờ
Ngài cũng không ở trong hang đá
Ta tìm Ngài và muôn năm không gặp Ngài
Nếu lòng ta không mở
Cho những ai thiếu ánh sáng mặt trời
Lây lắt trong vùng đời u tối
Của một xã hội thừa súng đạn và thiếu bánh com. (đoạn 7)*

*Noel :
Chúa đâu ở trong hang đá
Ngài đang quỳ đó
Ở dưới đáy nhà thờ
Bên anh và bên tôi
Ngài đã già cả
Rét run quần áo tả tơi
Ngài đang lo chốc nữa lễ hết rồi
Chống gậy về lối nào cho xe người ta đừng tông ngã
Và đứa cháu có thức dậy đòi quà
Biết lấy gì mà cho nó. (đoạn 9)*

• “Xin hãy vui mừng” là bài thơ ca tụng Đức Mẹ theo kinh Magnificat.

*Xin hãy vui mừng
Hỡi nữ tử Sion
Vì Bà được chan hòa ân phúc
Nhờ Bà mà “Chúa ở cùng chúng con”
Bà tràn đầy nhân đức
Nên Bà gương mẫu thiện toàn
Cho muôn đời muôn phương...
Kính chào nữ tử Sion
Xin hãy vui mừng
Vì đây muôn đời sẽ khen Bà đầy diễm phúc
Bà được nâng cao vì Bà đã khiêm nhường tuyệt mức
Bà giàu sang Bà từ bi muôn lộc
Vì Bà là người mẹ nghèo*

*Của người nghèo nhất thế gian
Lòng Bà như đại dương
Chứa đầy lưu ly, báu ngọc
Mắt Bà là ức triệu mắt bồ câu
Miệng Bà là trời hoa đàm tiếu
Lời Bà là cung đàn muôn điệu...*

Xuân Ly Băng đã viết theo đủ thể thơ: ngũ ngôn, lục bát, tám chữ, song thất lục bát, loại thơ mới ... Tác giả còn rành rẽ tâm lý vai kịch khi viết cuộc đối thoại giữa vua Herode và bà Herodia (Mc 6, 17-18).

Herode: *Herodia ơi! lòng ta đang bực tức
Vì Gioan, hỡi nàng biết chuyện rồi*

Herodia: *Xin thánh thượng giết quách nó đi thôi
Tên ngôn sứ của rừng núi man rợ.*

Herode: *Này, nàng ơi, giết y ta chưa nỡ
Lời của y, tuy nặng nhưng lời ngay
Nàng cũng nên xem xét điều này
Giết y dễ, thuận lòng dân không dễ
Đối với y, toàn dân đang kính nể
Vẫn coi y, là thánh thiện công minh.*

Herodia: *Xin thánh thượng đừng nghĩ quẩn nghĩ quanh
Hao sức khỏe, tốn thì giờ vàng ngọc
Theo ý thiếp cứ tống y vào ngục
Trói tay, bịt miệng để chờ xem
Phản ứng sao? Một lũ dân đơn hèn
Rồi sau đó tùy thời cơ xử trí...*

4. NỮ SỸ MINH CHÂU

Nữ thi sỹ Minh Châu tên thật là Thái Hạc Oanh, sinh năm 1922, tại Huế, tốt nghiệp Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật và Hội Họa (?). Trước 1975 là Giáo sư các trường Kỹ Thuật Huế, Võ Trường Toản, Regina Mundi, Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật. Là phụ nữ duy nhất trong 9 thành viên của nhóm công giáo Pax Romana. Tên tuổi Bà được biết đến từ 1967-1975, tại Sài Gòn, qua các cuộc trưng bày triển lãm tranh. Và Bà đã từng xuất ngoại triển lãm tranh tại Đại Hàn, Nhật và Đài Loan (1971).

Sau 1975, Bà định cư tại Paris. Biệt hiệu Minh Châu của Thái Hạc Oanh lấy từ tên của phu quân là Nha sỹ Huỳnh Minh Châu (+ 9-10-1998). Các bức họa Bà ký tên Anna Châu. Thái Hạc Oanh có hai thiên tài: Thơ và họa. Minh Châu đã xuất bản ba tập thơ: Nhớ Thương (1990). Quê Hương Là Tình (1991). Thi Họa Hương Lòng (1997). Một tập khác sẽ xuất bản nay mai. Bên cạnh các trang sách về thơ, tác giả có in kèm các bức họa. Ở đây xin có cái nhìn với Minh Châu về ý thơ công giáo mà thôi.

Minh Châu có nguồn cảm hứng thơ riêng. Nhưng thi sỹ cũng có nguồn khác từ bạn bè qua gặp gỡ trao đổi bằng xướng họa. Ý của bạn như thách thức, moi và ý gợi cho thi sỹ, hay ngược lại. Đây là thú vui tao nhã của các buổi trà đàm gặp gỡ của “Ba Lê Thi Xã”, mà Minh Châu là một thành viên sáng lập, từ 1982, và còn ảnh hưởng trên văn đàn thơ văn hải ngoại ở Paris.

Về phía cạnh công giáo, Minh Châu không có các bài thơ mang “tựa đề công giáo”, mà tinh thần truyền bá đức tin công giáo nằm rải rác trong các “bài thơ đời”. Ý thơ công giáo của Minh Châu được trải rộng qua các nguồn hứng về Quê Hương, Tình yêu lứa đôi hôn nhân, Thân cát bụi của con người và Luật yêu thương Kitô giáo.

1. Tình Yêu Quê Hương trôi vượt trong tác phẩm.

Tình Yêu Quê Hương nơi tác giả bắt nguồn từ việc rời xứ trong những ngày cuối tháng Tư năm 1975, với các em bé mồ côi đi theo diện UNICEF. Tình quê hương mang theo gói ghém trong những nét mặt ngây thơ trong trắng

của tuổi thơ. Nay các em đã khôn lớn và ở đâu đâu. Về thăm hay từ Paris, thả hồn về Huế, nơi sinh trường, về Sài Gòn, nơi đem cả sự nghiệp cho nền giáo dục và văn hóa. Bản khoán nhiều nhất của tác giả là nền tảng giữ vững đức tin, nuôi sống và bảo vệ nền văn hóa còn hay không. Đó là số phận các nơi thờ tự, thánh đường, trường học.

- Sài-gòn lộng lẫy đẹp xinh thay,
Cách trở sâu đong trái tháng ngày
Xá Lợi, Thánh Đường, nơi khấn nguyện...
Biết ai gợi gấm nổi lòng đây... (THƯƠNG VỀ SAIGÒN)
- Tay cầm tay nhớ ngày nào
Quê xưa Thánh Lễ vui chào thân thương...
Thành tâm xin Chúa nhận lời,
Ban chung ân sủng thánh thơ cõi lòng. (THƠ THẦN TẶNG)
- Pax Romana nơi gặp gỡ,
Của những ngày Thánh Lễ lễ xa xôi.
Giờ đây quê biệt lạc loài,
Đồng tâm tiếp tục kéo hoài mai sau.
(NHỚ PAX ROMANA, 1994)

Tác giả nhớ thương, luyện tiếc, với mong ước xây dựng đẹp tươi.

- Cô thương em, khi nửa chừng bỏ học,
Mái trường yêu thôi tạm biệt từ nay...
Tuổi thanh xuân đâu được hưởng trọn ngày.
Cuộc đời đến lúc thật chua cay. (THƯƠNG EM)
- Cầm tay rồi lại cầm tay,
Ngậm ngùi trước cảnh trời Tây xa nhà.
Câu cho tình mãi đậm đà,
Sớm về cùng Huế cho ta thỏa lòng. (BÀI THƠ CHO HUẾ)
- Hùng Vương giỗ tổ hôm nay
Đèn hoa sáng láng một ngày cung nghinh.
Nguyên cầu đất nước thanh bình,
Sanh cơ lập nghiệp dân tình ấm no.
(MỪNG NGÀY GIỖ TỔ. 1989)

Tất cả tình cảm sâu xa uẩn khúc, người thi sỹ của sông Hương núi Ngự đã gửi về người mẹ vô hình đầy yêu thương dễ mến. Đó là Mẹ Việt Nam.

Mẹ Việt Nam, Mẹ Việt Nam,
Mẹ là ánh sáng trăng rằm soi đêm.
Tình Mẹ là khúc nhạc êm,
Huy hoàng chổi dậy mang theo ấm nồng. (Mẹ Việt Nam)

2. Tình yêu lứa đôi hôn nhân được thánh hóa.

Tác giả đã ý thức rõ rệt trách nhiệm hôn nhân công giáo hơn ai hết. Vợ chồng là một. Nữ thi sỹ đã lấy tên phụ quân là biệt hiệu viết các áng thơ văn và họa phẩm của mình. Như đã nói trên.

Trong ba tập thơ xuất bản năm 1990, 1991 và 1997, trang đầu mỗi tập thi sỹ đã dành tặng riêng cho người bạn đời chung thủy, như

... Gặp nhau duyên kỳ ngộ
Trung Nam đôi mái đầu
Đường hẹn có nhau
Dù gian nan kham khổ... (Nhớ Thương. tr. 9)

Và 4 câu: *Mến gửi Anh* :

Một chữ Tình yêu gửi tặng ai,

Là muôn ý đẹp chuỗi ngày dài,
Là niềm thương nhớ bao năm tháng,
Là cả tấm lòng chẳng nhạt phai...
(*Quê Hương Là Tình*. 22-11-1989)

Hay 4 câu khác đề: *Tặng Anh*

... Rằng đây tất cả tư lòng
Tặng anh yêu dấu những dòng mền thân
Dấu cho con Tạo xoay vần,
Mấy mươi năm vẫn như xuân buổi Đầu
(*Balê 1995. Thi Họa Hương Lòng, 1997, tr 9*)

Vợ chồng ân nghĩa sắt son và bền chặt hay không là do hai trái tim đập đều nhịp. Tình yêu lớn mạnh và lâu dài tới đâu bậc rằng long là nhờ hiệu quả của bí tích hôn nhân công giáo.

- Em hỏi anh sao chẳng đáp lời,
Chuyện đời ngẫm lại giống trò chơi.
Buồn vui ấm lạnh chung san sẻ
Bời lẽ hai ta NHƯ một thôi... (NHƯ MỘT)

Đẹp và quý thay cho đội tân hôn của ngày cưới có chuông đồ hồi của tháp giáo đường giữa tiếng nhạc vang rộn, khi hai người trẻ sánh bước tiến lên cung thánh.

Rạng rỡ đèn hoa cung Thánh Đường,
Trang nghiêm dấu rế nguyện cầu chung.
Lắng nghe học hỏi, Con Thiên Chúa,
Thâm khấn theo đòi, Mẹ Nữ Vương. (MỪNG LỄ CƯỚI)

Minh Châu có lý định nghĩa tình yêu gồm có hy sinh, có sầu đau, chấp nhận vui buồn.

- Hồn lâng lâng ngỡ Thiên Đàng lạc lối,
Trăng sáng soi nguồn búng cảm đầy vơi
... Lại sầu đau và đợi chờ vương vít,
Bóng thân thương áp ủ chẳng lúc rời,
Tình thắm đượm lưu luyến mãi tim tôi,
Dù biết... “Yêu là chết lòng một ít”... (DÙ BIẾT YÊU)
- Em vẫn biết YÊU LÀ NIỀM ĐAU KHỔ
Là hy sinh tất cả những đòi hỏi...
Duyên cầm sắt nguyện ước khéo giữ gìn.
Để Tình Yêu không còn là Đau khổ (Em vẫn biết)

3. Con người là thân cát bụi.

Con người có sinh có chết. Chết không là hết mà đi vào cõi linh thiêng, thiên thu vĩnh cửu hằng sống. Ngay khi sống là chuẩn bị xứng đáng lãnh nhận phần thưởng cao cả hơn. Phần thưởng lớn nhỏ là do chuẩn bị kỹ và chu đáo. Hai bài thơ “Xóa” và “Mắt Còn” trong tập Thi Họa Hương Lòng cất nghĩa đầy ý nghĩa chung cuộc cuộc đời: *Xin Thượng Đế xóa đi những lỗi lầm. Và đừng để mất đi những công phúc, còn tồn tại mãi nơi cao cả ánh sáng.*

- Thượng Đế sinh ra cảnh vật người,
Trải ngàn vạn kỷ một trò chơi.
Không thêm không bớt không thay đổi
Sớm muộn sẽ thành cát bụi.
Danh lợi dù ai toại nguyện cầu,
Có đem theo được đến cùng đâu?
Gẫm suy muôn sự đều hư ảnh,
Lưu luyến làm chi nặng gánh sầu. (XÓA, tr. 78)
- Sinh tử thay phiên vòng lẩn quẩn,
Kiếp người tuần tự lối xoay tròn.

Bực mình xin hỏi ông xanh vậy,
Tạo dựng bày chi chuyện mắt còn. (MẮT CÒN, tr. 74)

Cuộc sống là tạm bợ. Tất cả là cát bụi. Không có gì riêng tư. Bon chen danh lợi là hư ảo. Có ra đi đừng lưu luyến.

- Từ nay đôi ngã chia ly
Đường trần dứt nợ ra đi nhẹ nhàng. (AI CŨNG MỘT LẦN)
- Tôi muốn anh và tôi
Ý thức luật Tạo Hóa
"Rời ra tro bụi cả"
Chẳng có gì riêng ta... (TÔI MUỐN)
- Em chỉ muốn, giờ đây em chỉ muốn,
Đem tình yêu sưởi ấm khắp trần gian,
Cho vũ trụ thôi hết lạnh than,
Và dương thế thanh bình đầy ơn phước (Em chỉ muốn)

4. Luật yêu thương Kitô giáo.

Trong thơ của Minh Châu Thái Hạc Oanh hàm chứa nhiều nét tình bạn, tình người. Tư tưởng là nơi gặp gỡ bạn thơ của Ba Lê Thi Xã. Bạn hiền, người gần lẫn kẻ xa, đều là anh em, không thương không được. Động đất tại Arménie, năm 1989, tác giả thương lòng nghĩ đến bao cảnh "bơ vơ, cô cút, nước nở, lẻ loi, ngẩn ngơ, tay trắng, chua xót...

- Bao dân lành không còn lấy tác đất,
Thân chẳng vẹn suốt đời mang bệnh tật.
Nhìn thiên tai chu xót đến tận cùng,
Bờ khổ đau còn bao trùm vạn vật. (ARMÉNIE)
Đau đớn trách cứ con người hờ hững trước cảnh điêu tàn của Sarajevo.
- Nhìn chiến tranh Sa-Ra
Trách loài người độc ác
Giận xã hội lơ là
Trước những cảnh thảm sát. (SARAJEVO NỖI LÒNG)

Tóm lại, mến thương xót xa quê hương, chia ly đôi lứa, nhìn mình dễ thương người... Ước nguyện thâm sâu của thi sỹ họ Thái cũng như mọi người, sống tình "anh em, bạn hữu", bằng lời nguyện chân thành cho tất cả: được "chia sẻ chung vui hạnh phúc", và đề "phụng thờ Thiên Chúa với hăng say".

- Xem ra ai cũng hân hoan,
Cửa nhà êm ấm lo toan làm giàu,
Trên đường thương mãi mai sau,
Anh em, bạn hữu, giúp nhau một lòng.
(VIẾNG CALY. 1988)
- Em ước Chúa Ba Ngôi
Soi sáng cho mọi người
Chia sẻ chung hạnh phúc
Án phước khắp vòm trời. (EM ƯỚC)
- Trước Thánh Đường nguyện cầu
Mẹ Hiền ban ân sâu
Non sông sớm thoát họa
Hạnh phúc khởi bắt đầu...
Đoái thương chấp nhận lời
Đấng CAO CẢ CHÚA TRỜI
Xin tha tội nhân thế
Lỗi trót phạm một thời. (THÁNG TƯ ĐEN)
- Nén sáng qui dâng phút lặng thinh
Ngước nhìn cung kính Mẹ Hòa Bình
Nguyện cầu Thánh Mẫu hằng che chở
Phù hộ xuân nay mọi sự lành.
Lời Mẹ hiền linh nhớ mỗi ngày
Phụng thờ Thiên Chúa với hăng say

*Đức tin gìn giữ đờng sao lãng
Tội lỗi tránh xa chớ vẽ bày. (ĐẸP LÒNG CHÚA MẸ)
- Ôi mừng thay! Đẹp thay!
Chúa giãng sinh đẽm nay
Chuộc tội cho nhân thế
Phép nhiệm màu tràn đày
Con cúi mình dâng lời
Cầu xin Chúa sáng soi
Cho đời bớt phạm lỗi
Ban ơn lành khắp nơi. (NOEL)*

5. PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU

Bác sỹ Nguyễn Bá Hậu sinh năm 1924, tại làng Phương Canh, Hà Đông, tốt nghiệp y khoa bác sỹ tại Hà Nội, năm 1951, và khi hành nghề chuyên về châm cứu. Ông đã hai lần di cư vào Nam (1954) và Pháp (1972). Trước 1975, Bác sỹ Hậu đã được nhiều người biết đến qua nhiều chuyến tu nghiệp bên Hong Kong, Đài Loan, Nhật. Và tại Pháp, biết đến hơn, khi Bác sỹ tham gia sinh hoạt trong hội Y Sỹ Việt Nam và tham dự hội nghị y tế quốc tế, như tại New York năm 1982... Về y nghiệp, ông chuyên về châm cứu, điều trị những bệnh về khí (énergie vital). Ông thường phổ biến đờng y trên báo Le Val de Bièvres và Le Mensuel du Médecin Acupuncteur.

Biệt hiệu Phương Du được dùng khi sáng tác thơ là ghép bởi hai địa danh. Nơi ông sinh là làng PHƯƠNG Canh. Và nơi ông định cư tại Pháp là tỉnh Jouy-en-Josas (miền 78), chữ Jouy được đọc theo âm Việt là DU y. Ông là hội viên gương cột của Ba Lê Thi Xã thành lập 1983. Chủ tịch Câu lạc bộ Văn Hóa Văn Hóa VN thành lập 1991. Năm 1991 và 1993, ông được mời làm thuyết trình viên về “Văn học Việt Nam” tại Paris và Orlando, trong đại hội do Nha Dược Y Việt Nam tổ chức 2 hay 3 năm một lần.

PHƯƠNG DU, đã xuất bản hai băng Thi Nhạc Tình Thương 1 và 2. Bốn tập thơ: Tha Hương (1985). Tình Thương 1 (1991). Tình Thương 2 (1993). Và mới nhất là tập Hoa Tâm (2002), gồm 42 bài thơ và 12 bản thánh ca. Trong con người đa tài về thơ, và nhạc của Bác sỹ Nguyễn Bá Hậu, những dòng này xin điểm qua những vần thơ mang nét Kitô giáo của tác giả.

Ngay việc đặt tựa cho tác phẩm, cho thấy chất thơ của tác giả mang nhiều tâm tư “mến, thương” đối với Thượng Đế, và những người gặp gỡ trên đờng đời. Phương Du không dùng danh từ tượng trưng, hay hình dáng mà viết thẳng ra chữ “Chúa, Chúa Kitô, Đức Chúa Cha, Đức Maria, các Thánh”, một hình thức công khai tuyên xưng đức tin, không che dấu thao thức của con tim, như hoa luôn nở trong tim.

1. Giáo lý căn bản của Kitô Giáo, là những điều phải tin, làm nền tảng đức tin người giáo dân, được đọc thấy trong thơ của Phương Du, như:

*Chúa Kitô phục sinh, thắng sự chết:
Nhớ xưa kia bao lần Ta nói:
Ta ra đi lìa cõi đời này
Ba ngày Ta lại sống ngay
Phục sinh Ta sẽ hàng ngày bên con.
(TÔNG ĐỒ TIN CHÚA PHỤC SINH)*

Con người có hồn và xác. Xác sẽ sống lại, như Lazare được Chúa chữa khỏi.

*Sau giây phút mọi người chờ đợi
Chúa hô to báo với Lazare
Đứng lên và hãy ra đi
Lazare sống lại thật là phép thiêng;
Và sau đó Chúa liền dạy phán:
Ta là nguồn ánh sáng tỏa ra.
Mọi người nên nhớ rằng là
Ta là sự sống, ta là phục sinh. (Kẻ chết sống lại)*

2. Những bài giáo huấn, dụ ngôn của Phúc Âm được tác giả ghi lại bằng thơ, dễ hiểu dễ nhớ.

Chàng thanh niên giàu có đến gặp Chúa Giêsu, tìm lẽ sống cuộc đời. (Mt 19, 16-22)

*Chúa đang giảng, kẻ giàu tới hỏi...
Chúa phán dạy phải làm việc thiện...
Chớ mê tiền bán khoản giữ của...
Mà lãng quên thờ Chúa chí tôn
Thánh kinh nhắc nhở luôn luôn
Giàu tiền mà mất linh hồn ích chi?
(CHỚ MÊ TIỀN CHỚ THAN KHỔ)*

Phép lạ đầu tiên Chúa làm tại tiệc cưới ở Cana. (Ga 2, 1-12).

*Chúa liền bảo các gia nô,
Đổ nước vào vại, đổ cho thật đầy.
Nước đổ xong thành ngay rượu quý.
Khách vui mừng túy lúy khen ngon. (PHÉP LẠ CANA)*

Phuong Du là người hiểu biết nhiều về Tân và Cựu Ước, nên Thánh Kinh còn được diễn tả trong các bài khác:

Bài “Biển chết” cho nhớ lại tai họa thành Sodoma và nạn Hồng Thủy

Bài “Hình phạt ném đá” nói đến người phụ nữ ngoại tình. (Lc 7, 38-50)

Bài “Em bé mù”, Chúa trả lời nguyên nhân em bị mù từ nhỏ. (Ga 9, 1-5)

Bài “Chúa sai khiến gió mưa”, dân chúng kính phục Chúa làm sóng gió yên lặng. (Lc 8, 22-25)

Bài “Phép lạ làm ra nhiều bánh”, Chúa làm hóa ra nhiều bánh lần thứ nhất. (Mt 14, 13-21).

Bài “Ông Jacé” đón tiếp Chúa về nhà. (Lc 19,1-10)

3. Thực hành Lời Chúa là nền tảng sống đức tin của người kitô hữu hôm nay.

Thông thường ngày xuân nghĩ đến vui chơi, giải trí. Tác giả bài “Cảm nghĩ xuân Quý Mùi” trong tập Hoa Tâm, lại có cảm nghĩ khác, cao hơn:

*Triều đại Tình Thương tạo thái bình
Theo Lời Chúa dạy hết u minh:
Hãy thương, hãy mến, không thù hận,
Đừng ghét, đừng ghen trọng nghĩa tình,
Nhân ái, vị tha, năng tích đức,
Khiêm nhường, tha thứ, gắng cầu kinh
Những hoa tâm đó là nền tảng
Cuộc sống an hòa của chúng sinh.*

Đêm Noel tung bừng nhộn nhịp, đua chen sắm sửa, theo đuổi vật chất, thì dường như con người quên lãng Lời Chúa răn dạy.

*Đêm No-el mọi người vui vẻ
Kỷ niệm mừng ngày lễ Chúa sinh...
Lời Chúa dạy như hầu quên lãng
Bao năm dòng ngày tháng trôi qua
Thế gian vẫn sống theo đà
Chiến tranh khói lửa thật là làm than.
(MỪNG LỄ GIÁNG SINH)*

Lý tưởng sống đạo là yêu người. Người tín hữu biết sống theo tinh thần kinh Lạy Cha là hay nhất.

*Nhiều bạc, nhiều vàng, nhiều tính toán
Ít tiền, ít của, ít lo âu
‘Hàng ngày dùng đủ’, đời thanh thân (*)
Tránh mọi ưu tư của kẻ giàu.
(THỊ TRƯỜNG CHÚNG KHOÁN)*

(*) ‘Hàng ngày dùng đủ’ là một phần của câu kinh Lạy Cha (Pater noster) mà các tín đồ công giáo xin Chúa cho được đủ chi tiêu hàng ngày.

Tạo hạnh phúc mai sau hơn hưởng thụ mau qua hiện tại

*Ở đời quyền bính lợi danh
Chỉ là tạm bợ chớ dành dặt nhau.
Vậy nên nghĩ tới đời sau
Tu thân tích đức nguyện cầu Chúa luôn.
(KHÓC MỸ NHẮN)*

Người công giáo cần thận trọng, tinh thức trước vấn đề thời sự, như có thái độ đứng về lập trường của Giáo Hội trong việc phá thai. Sống lương tâm công giáo. Phá thai là luật cấm của điều răn thứ 5: “chớ giết người”

*Phá thai xưa bị ê chê
Giờ đây luật pháp vỗ về phá thai...
Giáo hội Ki-tô tỏ vẻ ngỡ ngàng
Ra thông cáo bị phũ phàng bác bỏ
Đời vật chất tiết trinh không cần bày tỏ.
(CÁM NGHĨ VỀ LUẬT PHÁ THAI)*

Lời “Kinh hòa bình” của thánh Phanxicô là khuôn mẫu cho người tín hữu bất cứ thời đại nào.

*... Ôi Thượng Đế:
Con không thích được người an ủi,
Hơn là con an ủi tha nhân.
Hiểu lòng người khác con cần,
Cần hơn được người trần hiểu con.
... Khi tha thứ là con đón nhận
Ơn tha thứ của Đấng Chí tôn.
Chết rồi, xác rửa nhưng hồn,
Khai sinh cuộc sống vĩnh tồn đời sau.*

4. Các cuộc hành hương tạo cơ hội lãnh nhận ơn thánh, làm tăng thêm sức mạnh cho khách hành hương, đồng thời chứng kiến tận mắt những chứng nhân đức tin. Đến những nơi thiêng, có những dấu lạ để củng cố niềm tin. Xưa nay, rất đông người đã được ơn lạ sau khi viếng Jérusalem (còn thánh tích cuộc tử nạn của Chúa Kitô), Roma (Thủ đô công giáo). La Salette (Đức Mẹ hiện ra với hai em chăn cừu, 1848), Lộ Đức (Đức Mẹ hiện ra với Bernadette, 1858), Fatima (Đức Mẹ hiện ra với Ba Em, 1917),

*Từ Thiên Quốc Mẹ đã hiện xuống
Rất nhiều lần khắp chốn khắp nơi
Khuyến ta cải thiện cuộc đời
Tránh ngày Chúa phạt, giữ mười điều răn. (LÁM THIÊN TAI)*

Mục đích viết thơ của Phương Du không có nghĩa đơn giản là

*Hồn thơ gom lại đôi lời
In thành thi tập tặng người yêu thơ (Hoa Tâm)
Hay: Vài bài thơ thô thiển*

*Gửi tặng bạn bốn phương
Đọc chơi khi nhàn rồi
Để tưởng nhớ quê hương. (THAY LỜI TỰ TỰ)*

Mà trong thâm tâm, Phương Du muốn dùng thơ truyền đạt đức tin, phù hợp với dụng ý của cả bài sưu tập này.

*Đường trần ai, hồn ta cũng thế.
Phải vâng theo luật lệ Chúa ban...
Dùng lời thơ Phương Du nhắc nhở
Độc giả rằng: xin chớ lãng quên
Những lễ luật Chúa nói lên (*)
Là lời vàng ngọc ta nên thực hành. (DĨ THƠ TÁI ĐẠO)*

(*) Mười điều răn Thiên Chúa đọc cho ông Maisen (Moise) và những lời giảng dạy của Chúa Kitô.

Và trong “Lời tác giả” của tập Tình Thương (1991), tác giả đã bộc bạch với độc giả: *Quý vị độc giả sẽ nhận lầm những bài thơ giản dị, dễ hiểu, với những đề tài phong phú thuộc về nếp sống thời nay để nói lên những cái hay cái dở của Tình Đời. Sau khi đọc xong, quý vị sẽ có những suy tư nghĩ ngợi đặng tìm hiểu đâu là Tình Thương, đâu là Chân Lý, hướng đi của chúng ta... (tr. 1)*

6. LINH MỤC CAO VĨNH PHAN

Linh Mục Cao Vĩnh Phan là nhà biên khảo, có nhiều tài liệu đã xuất bản hoặc chưa. Trong lãnh vực thơ, Cha đã xuất bản tập thơ lục bát Trường Ca Dân Chúa. Gồm 73 bài giáo lý viết theo Thánh Kinh. Sách xuất bản hai lần tại Sài Gòn vào năm 1970 và năm 1971, được phép Imprimatur của Đức Cha Trần Thanh Khâm (26-6-1970) và tái bản lần thứ ba, tại Thụy Sĩ, năm 1994. Xin trích đăng hai bài.

• Đức Bà Maria nhận thụ thai Con Thiên Chúa giáng trần (Lc 1, 26-38)

*Cảm thông nguyện ước thân thưa,
Ga-ben thiên sứ tin đưa dịu lòng,
Ma-Ri thoạt thấy ngỡ ngàng,
Một người lạ mặt đàng hoàng lẫm thay;
Dâng lời chào kính tỏ bày:
- ‘Xin Ma-Ri nhận thụ thai cứu đời
Một ngôi Thiên Chúa làm người,
Do quyền phép Chúa chẳng ai phạm trần’
- ‘Tôi là thiếu nữ thanh bản
Tôi thề trinh khiết xa phần hôn thê’
- Ma-Ri chớ vội, chấp nê,
Thánh Thần hóa phép chẳng hề khó khăn’.
Ma-Ri nước mắt tuôn tràn :
Là tôi tớ Chúa nguyện vâng như lời’.
Ngôi Hai xuống thế làm người
Trong lòng trinh nữ cứu đời khốn nguy. (Bài 70, tr. 90)*

• Đức Mẹ trước máng cỏ (Lc 2,19)

*Ma-Ri triu mến lặng thinh,
Nhìn con Thiên Chúa lòng mình sinh ra,
Nghĩa tình Chúa Cả bao la!
‘Chúa thương phận gái thật là quá thay,
Sá chi đến kẻ hèn này,
Sá chi dương thế lưu đày hóa thân,
Thương chi thương mãi thứ dân
Vô ân bạc nghĩa bao lần trước đây,
Chúa thương đâu một dân này,*

*Chúa thương đau kẻ đông tây bến bờ’.
Ma-Ri cung kính lạy thờ,
Giu-se khép nép say sưa kính châu,
Hai người chỉ biết cúi đầu,
Thâm thương Con Chúa vì đau nỗi này
Tình thương tràn ngập nơi đây,
Tình thương cứu rỗi đổ đầy trần gian.*

Cuối tập thơ, tác giả viết về “Mười Điều Răn Thiên Chúa”, dưới dạng ca vè, dễ học.

*Đây điều LUẬT SỐ MỘT
Thờ phượng một Chúa Trời
Đấng tạo dựng đất trời
Đừng tin vợ thờ quấy
Đừng dị đoan cúng quấy...
ĐIỀU LUẬT TƯ cha mẹ
Con phải giữ HIẾU TRUNG
Khi sống cả lâm chung
Vâng lời đừng hỗn xược
Kính yêu đừng ngạo ngược.*

7. LINH MỤC VÕ THANH TÂM

Linh Mục Phanxicô Xaviê Võ Thanh Tâm đã từng du học bên Roma (1994-1998), hiện là giáo sư Đại chủng Vinh Thanh, Việt Nam. Trong tập thơ “Hương Xuân”, gồm 63 bài thơ xuất bản năm 1999, tác giả đã viết : Đối với tôi là một Kitô hữu đồng thời là linh mục, thì Thơ còn là một bài suy niệm, là hương cầu nguyện dâng lên trước tòa Chúa Mẹ nhân hiền, là tiếng hát ngợi khen công trình của Đấng Tạo Hóa, là những lời hay ý đẹp của lý tưởng công giáo đem trao đổi với anh em, là cách phản ứng của một tâm hồn có đức tin trước những biến cố cuộc đời...

Vì tôi cảm thấy cần phải diễn tả nội tâm và cuộc sống để có thể cống hiến cho bạn một cái gì hữu ích, thiếu nó thì Giáo Hội ta thiếu đi một khía cạnh sự sống, thiếu đi những hình ảnh, những âm thanh và những màu sắc cần thiết. (tr.3-4)

Ca tụng Thiên Chúa nhân từ trong bài “Trăm con chiên”: Thiên Chúa như chủ chăn, chăm lo cho đoàn chiên béo tốt. Nhưng thương riêng có một con vì yếu mệt, không kịp về chuồng như bạn bè. Người chủ quay lại tìm cho bằng được

*Bầy chiên một trăm con
Có chung người chủ tốt.
Trắng và béo mườn mượt
Chủ chăn thương hết tình...
Trong nắng chiều rung rinh
Chủ soát nhìn rất kỹ
Đúng một trăm vừa ý
Cám đội Chúa ban ơn.
Nhưng đến lúc hoàng hôn
Soát lại thì thấy thiếu
Một con nhỏ hơi yếu
Lạc đâu trên đồi xa.*

Thiên Chúa kiên trì chờ đợi mong đợi tội nhân và sẵn sàng ban ơn thánh hóa.

*Con hãy đến cùng Cha trong lặng lẽ
Cha sẽ nói những điều đẹp đẽ với lòng con
Những điều con chưa hề nghe trong sáu thăm trong tâm hồn
Cha sẽ viết tên Cha vào đời con đậm nét
Và dần dần con sẽ biết*

*Ý nghĩa việc Cha làm...
Cha sẽ ở với con
Làm ánh sáng soi hồn
Cha sẽ đi với con
Trên đường dài dương thế. (CHA SẼ Ở VỚI CON)*

Ít ai nói tới Chúa Thánh Thần. Tác giả đặc biệt nói về sự hiện diện và sự thánh hóa của Chúa Thánh Thần trong con người Kitô hữu.

*Lạy Thánh Linh rất dịu hiền êm ái,
Con biết Ngài đang nghe tiếng lòng con. ?
Ở với con lúc gói mỗi chân đôn,
Sát bên con khi hồng vấp ngã. (LAY THÁNH LINH)
Lời thơ như hương thơm câu nguyện:
Lạy Chúa, xin Ngài cho con mắt trong
Để xem kỳ diệu tình Chúa thương
Con là thằng mù mong Chúa chữa
Đang thiết tha van ở trên đường.
Lạy Chúa, xin Ngài mở tay con,
Nắm chặt bo bo giữ của tròn
Xin dạy cho con biết chia sẻ
Khi thấy người nghèo đến ní non.
(LỜI NGUYỆN BAN CHIỀU)*

Thế hệ trẻ hôm nay có nhiều mẫu gương sống đạo và thi hành bác ái. Như mẹ Teresa Calcutta.

*Như ở Calcutta và nhiều nơi khác...
Têrêxa ơi! đã bao lần nước mắt chị ứa
Nhìn ngón tay rơi rụng của người phong
Những đôi mắt mờ cõi lệ chảy ròng ròng...
Nhắc tới họ tâm hồn chị bàng hoàng
(GỬI CHỊ TÊRÊSA CALCUTTA)*

Têrêxa Hải Đồng mộ mến thánh Théophane Vénard thừa sai tử đạo tại VN. Hai thánh nhân chết trẻ, thúc đẩy tuổi trẻ trong việc tu thân và phục vụ.

*Bao nhiêu vị thánh trên trời
Đồng thanh ca hát mừng Người hy sinh.
Théophane ơi! Giữa thiên binh
Luyến thần khao khát cung nghinh...
Hỡi người tử đạo ngang nhiên
Thương thức hoan lạc trong niềm đắng cay.
(ƯỚC GÌ LÀM ĐÓA HOA XUÂN)*

Trong bài “Tuổi trẻ bước theo Ngài”, tác giả đánh giá cao tinh thần người trẻ tham dự Đại Hội Quốc Tế Giới Trẻ lần thứ XII tại Paris (1997)

*Đời tuổi trẻ lại càng thêm trẻ lại
Như đóa hồng ôm mãi giọt sương xuân
Như suối mơ buông giải nước trong ngần
Như nắng sớm lượn trên đồi xanh biếc
Và tất cả đầy ước mơ tha thiết
Thánh hóa đời dưới ánh đẹp Phúc Âm.*

8. LINH MỤC ĐÌNH ĐỒNG THƯỢNG SÁCH

Linh Mục Giuse Đình Đồng Thượng Sách sinh năm 1939, tại làng Tử Nê, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 03-12-1966 qua Pháp du học. Cha thụ phong linh mục ngày 24-12-1972. Từ năm 1977 đến 2017, cha phục vụ tại Giáo Xứ Việt Nam - Paris.

Khi làm thơ, Linh Mục có 3 bút hiệu chính: *Chổi Cùn Giáo Xứ*, *Cung Chi*, và *Lương Nhi Tử*. Đôi khi ghi tên khác như Thần Lộ, ...

Thơ của cha đã khởi đăng trên các báo của Giáo Xứ VN ấn hành: Tin (từ 1972), Hiện Diện (1979) Giáo Xứ Việt Nam, bộ mới từ tháng 02-1984, tờ Emmau và Bản tin gia đình Thiếu Nhi Thánh Thể.

Năm 1976, Cha làm tuyên úy Giới Trẻ của Giáo Xứ Việt Nam. Từ tháng 11-1980, Cha chủ trương tờ báo Emmau, nhiều bài giá trị in trong 200 ấn bản phát tặng các bạn trẻ vào dịp lễ giới trẻ hàng tháng.

Và Năm 1986, làm Tuyên Úy Thiếu Nhi Thánh Thể, Cha hỗ trợ cho các Huynh trưởng ấn hành Bản Tin Gia Đình Thiếu Nhi Thánh Thể. Tờ Liên Lạc in 100 số mỗi tháng, để thông tin liên lạc với gia đình phụ huynh.

Nguồn thơ thiên phú lẫn tư tưởng dồi dào của Cha lúc cởi mở, phóng khoáng, pha giọng tếu lẫn xây dựng qua bút hiệu Chổi Cùn Giáo Xứ. Lúc điển tả đạo đức cao siêu, tín lý, thần học cha ký bút hiệu Cung Chi. Và khi cần trình bày về xã hội, bác ái, tình liên đới anh em, giáo dục Cha dành cho bút hiệu LƯƠNG NHI TỬ. Số lượng bài thơ của cha khá nhiều. Các thân hữu của Cha đang xúc tiến in các bài thơ thành sách để đóng góp cho tủ sách văn hóa Công Giáo Việt Nam thêm phong phú và dồi dào về phẩm và lượng.

Mỗi bút hiệu của thi sỹ là một đề tài, một nguồn thơ, một khung trời tư tưởng riêng biệt, sắc thái khác nhau. Đọc thơ với ba bút hiệu, người ta cứ tưởng của ba tác giả. Nhưng thực sự là một. Cốt cách chừng mực được như vậy là điểm căn bản và chính yếu trong thơ văn của người sáng tác.

1) CHỔI CÙN GIÁO XỨ

Chổi dùng để quét dọn. Quét nhiều tới mức đã cùn, quá là lâu năm nhiều tháng. Thế mà vẫn chưa hết. Nhiệm vụ của chổi là quét. Quét sạch. Tuy là Chổi Cùn ở xó nhà xó bếp của Giáo Xứ, không ai để ý dòm ngó tới, nhưng nó có cái nhìn khắp nhà, biết nhiều việc trong nhà ngoài ngõ, nhà trên nhà dưới, ngoài hiên đằng sau, và cả việc của bàng dân thiên hạ. Việc tốt có, việc không ra gì cũng có... đủ thứ đủ loại. Không chê ai trách ai, với lời thơ nhẹ nhàng, tác giả viết ra cho mọi người cùng suy nghĩ, nêu gương sáng, xây dựng một nếp sống mới, hợp với sứ vụ Tin Mừng. Thiết nghĩ đó là mục đích của mái chổi, có nhiệm vụ quét dọn.

Chổi Cùn nhắc khéo những người hoang mang dễ tin rằng năm 2000 sẽ tận thế. Quan trọng là mỗi người : Cứ sẵn sàng giờ điếm ta đi. Chổi Cùn Giáo Xứ viết :

*Sắp tận thế hay chưa tận thế?
Biết ngược xuôi lý lẽ sao đây?
Một đàng tai họa giáng đây
Một đàng lăm kẻ : ta đây sợ gì!
... Việc phải đến rồi sẽ đến
Cứ sẵn sàng giờ điếm... ta đi!
Năm Thìn cá hóa long phi
Rồng bay phượng múa... chim ri biết gì?
(TẬN THẾ... RỒNG BAY)*

Thời đại nguyên tử, vấn đề thông tin liên lạc phát triển nhanh. Téléphone portable có nhiều hại, khiến tác giả cân nhắc.

*Thời đại mới có "phôn póc táp"
Đi đến đâu cũng cấp theo bên
Cần chi cấp tốc gọi liền
"A lô" một tiếng tin truyền đạt ngay.
... Chỉ xin vắn tắt cho vừa
Đừng cho thiên hạ đồ thừa ngồi bên.
... Máy của Chúa ở đâu Chúa nhĩ*

*Con dám xin Chúa chỉ số cho
Một mai giờ phút qua đò
Thất thanh con gọi Chúa lời sao đang?
(TÉLÉPHONE PARTABLE)*

Đã 20 thế kỷ, xã hội vẫn còn bất công chênh lệch giàu nghèo. Chỉ có bàn tay “*Đáng hằng thường bất biến*” mới quét nổi.

*Cúi lạy Đáng hằng thường bất biến
Đã khiêm cung tự nguyện giáng trần
Hy sinh mặc lấy nhục thân
Mở trang Thánh Sử hồng ân cứu đời.
Nay thiên kỷ thay hồi đời mới
Ước mong sao thế giới trong ngoài
Tinh thần vật chất hòa hài
Tương lai nhân loại ngày mai huy hoàng.
Hết những cảnh hèn sang khinh trọng
Hố giàu nghèo sâu rộng lấp đầy
Hòa bình khắp đó cùng đây
Từ bi bác ái kết giây thân tình...
Tựa cán chổi ngắm nhìn hang đá
Bông phút giây lòng dạ bốn chôn
Run run hỏi Chúa Hai Đấng:
Liệu ai quét nổi cuồng ngông thói đời? (SAO SINH NHẬT)*

Tìm một người xứng đáng cho năm 2001, Chỗ Cùn Giáo Xứ đã chọn Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. Vì ngài ưu việt khác thường: vị Giáo Hoàng truyền giáo, đi khắp nơi, làm nhiều việc lớn mà vẫn khiêm nhu, sống chân tâm, và thẳng thắn.

*Người tắt tả ngược xuôi xuôi ngược
Dáng bơ vơ lữ bước năm châu
Vòng quanh quá trái địa cầu
“Bông không xôi hồng” bạc phau mái đầu!
Người vẫn trước sau như một
Chắc như đình đồng cột khôn lay
Chính Người tạo cuộc đời thay
Không chỉ đảo ngược đời thay chỉ Người.
Làm những chuyện vá trời lập biển
Nhưng khiêm nhu chẳng chiếm lấn ai...
Nếu phải chọn tức thời một mẫu
Làm con người đánh dấu năm qua
Xin chọn Đức Thánh “Phapha”
Từ bi, hi xả, xin tha lỗi hoài ...
(Người của Năm 2001) (Kính dâng Đức JP. II)*

2) CUNG CHI

Cung Chi viết thơ đề ca tụng Thiên Chúa nhân ái, Hiền Mẫu Trinh Nữ Maria, nêu cao gương các Thánh và vĩ nhân, mở lại những trang Giáo Sử, hay Thánh Kinh, sống xứng với hồng ân thiên chức Linh Mục mà Thiên Chúa trao ban, trung thành với phụng vụ Lời Chúa, và công tác mục vụ được ủy thác cho vẹn toàn.

Nguồn thơ bắt nguồn từ Đức Mẹ, như tác giả xác nhận trong bài “*Rộn Tinh Mẫu Tử*”.

*Tơ tầm vương kén bao nhiêu
Thơ con quyến Mẹ bấy nhiêu tơ lòng.
Nguồn thơ chưa vội cạn lòng
Cũng là nhờ Mẹ gọi hồn đó thôi.
Mẹ là gạch nối đất trời*

*Thơ con kết chuỗi mân côi đôi bờ.
Mỗi ngày một hạt ước mơ
Mỗi năm là cả bài thơ ơn trời
... Con côi tục, Mẹ côi tiên
Bao giờ thoát tục, con lên, Mẹ chờ.
Bây giờ tạm với ước mơ
Dòng thơ đừng cạn, ý thơ đừng mòn.
Bốn mùa thi hứng nắng hồng
Rộn tình mẫu tử mẹ con tháng ngày.
Chẳng thừa Mẹ cũng thừa hay
Lòng con tang trắng những ngày tháng qua.
Mẫu thân khuất núi non xa
Con càng gân Mẹ, thiết tha càng nhiều.*

Ơn nghĩa người mẹ trần gian kết luyện với ơn thánh chức linh mục khăng khít không xa nhau. Đẹp nhất và cao cả nhất "Đội Bàn Tay Linh Mục" được thánh hiến để ban các phép Bí Tích.

*Chúa ban cho con đôi bàn tay
Gọi con gơ lên vào một ngày
Linh ơn dầu thơm ơn thánh hiến
Để rồi sai đi khắp đó đây
... Nhân danh Ba Ngôi cực trọng thay
Con dùng đôi tay yêu đuối này
Làm dấu nói liền trời với đất
Nhu nguồn phúc lộc suốt ơn đầy.
Cũng chỉ vì thế cho đến nay
Con cố trung kiên giữ đôi tay
Hiển dâng trọn vẹn lên cho Chúa
Những phút run run Chúa đỡ thay?...*
(ĐÔI BÀN TAY LINH MỤC)

Thâm thúy và ý nghĩa hơn khi tác giả dùng bàn tay của mình là người con, tiễn đưa thân mẫu về nơi Vĩnh Phúc hoan lạc

*Con làm dấu trán mẹ...
Con xúc dầu mắt mẹ...
Con xúc dầu môi mẹ...
Con xúc dầu mũi mẹ...
Con xúc dầu tay mẹ...
Con xúc dầu chân mẹ...
Mỗi phần thân thể mẹ
Có chút phần riêng con
Con xúc dầu cho mẹ
Nhức nhối phận đời con
Làm các phép cuối cùng
Giờ phút mẹ lâm chung
Con nghẹn ngào khôn tả
An ủi cũng vô song
Nếu không là linh mục
Con đâu tích sự gì ?
Huyền nhiệm thay thánh chức
Giúp con tiễn mẹ đi. (NẾU KHÔNG LÀ LINH MỤC)
Ý chí và tinh thần phục vụ của tác giả luôn vươn cao.
Cúi lạy Chúa ! cho con thêm mới mẻ,
Khi lần nữa được lãnh tuổi Chúa ban.
Cho con biết mang nét mặt hân hoan,
Và ở những nơi đang buồn sầu tủi cực.*
(LỜI NGUYỆN ĐẦU NĂM.1983)

Mượn thân con chó, nói lên con người bé nhỏ của mình, “*trung thành, sắt son một đời*”.

Chúa ơi con biết nói sao.
Lòng con cuộn sóng dạt dào mến thương...
... Chẳng làm những việc gì vẻ vang.
... Chẳng làm những chuyện phi thường
... Chẳng làm công cuộc động trời
... Chẳng làm nổi việc cao kỳ
... Chẳng gây địa chấn anh hùng
... Chẳng vượt bốn bể trùng dương
Trước sau mong ước duy nhất là:
... Sống vui loan báo Tin Mừng
Chết an lưu lại cõi lòng hồng tươi
Vi Trời, vi Đất, vi Người
Tấm thân sô cầu nổi trôi ngại gì
(HỒNG TƯỞI. Giáp Tuất 1994)

Nhiệt tình bác ái luôn ấp ủ, nhưng thi sỹ vẫn cảm thấy mình bé nhỏ:

Là tu sỹ, tôi khơi nguồn tư tưởng
Dem tình thương reo rắc khắp dân gian...
Là tu sỹ, tôi hân hoan hơn hờ
Dem "Tin Vui" giải phóng cho anh em...
Là tu sỹ, tôi nguyện như muối bể
Muối yêu đương, men bác ái phúc âm...
Là tu sỹ, tôi vạch đường chỉ hướng
Giữa sa mạc hoang vắng bể dâu hiu...
Là tu sỹ, tôi cho đi mọi nhẽ
Cho nhưng không vì đã nhận nhưng không
Cả trời đất rộng rãi như vô cùng
Người tu sỹ lòng son vẫn thấy nhỏ.
(LỜI TÂM NGUYỄN. Paris, 1975)

3) LƯƠNG NHI TỬ

Lương Nhi Tử nặng tình hiếu đễ, mang bút hiệu LƯƠNG NHI TỬ tác giả lấy từ tên song thân. Thân phụ tác giả là LƯƠNG và thân mẫu là NHI. TỬ có nghĩa là con. LƯƠNG NHI TỬ mang nghĩa là CON của cụ ông LƯƠNG và cụ bà NHI. Được biết, cụ cố Đình Đồng Lương (+ 1986) là người có tâm hồn thi sỹ, làm thơ giỏi, và hay. Còn cụ bà Nguyễn Thị Nhi (+ 2001) lại mê và thuộc rất nhiều thơ. Trong nhà cụ thích ngâm thơ và thường dùng thơ để dạy bảo con cháu.

Lương Nhi Tử luôn nhủ mình trước, nhắc người sau: "*Tình cha nghĩa mẹ không bao giờ phai*".

Còn ơi muốn nên thân người
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha.
Trọn bề gia đạo
Phận làm con hiếu thảo phải chu toàn
Với song thân nhớ phụng dưỡng lo toan
Tình huynh đệ luôn ân cần hòa thuận
Cha sinh mẹ dưỡng đời lặn đặng
Anh em thủ túc liền tay chân
Giọt máu đào hơn ao nước trăm phần
Gì chi nữa cũng gà đàn chung mẹ
Đừng lảng nháng theo thói đời tục thế
Bỏ gia đình coi nhẹ ý mẹ cha
Mấy lời, con chớ bỏ qua! (CHỚ BỎ QUA)

Đối với tuổi trẻ, thi sỹ hiếu họ hơn ai hết. Người trẻ đừng buồn, đừng nghĩ đến chiều buông, luôn đạp chông gai hướng về tương lai.

Tuổi con nay đương tuổi còn hoa bướm
Đừng bao giờ âm đạm nét buồn thương
... Luôn kiên nhẫn dễ thương và phục thiện
Nhìn phía trước cứ mỉm cười thẳng tiến
Sau đêm dài biết chắc có bình minh
Mang trong mình lửa nóng bóng niềm Tin
Chìa khóa ấy mở tung mọi cánh cửa... (YÊU ĐỜI)

Trung thành với Giáo Hội, đặt hết tín thành vào các thánh Tử Đạo Việt Nam. Tên 117 Thánh Tử Đạo Việt Nam được ghi gọn trong bài HỌ LÀ AI. Trong 14 câu trong đoạn dưới ta đếm được 52 vị thánh (chữ viết hoa) :

...Họ là ai muốn nói trong yên lặng
Để nêu CAO TRUNG HIẾU về HIẾN KHOAN
PHỤNG sự Chúa trong DỮNG LẠC hân HOAN
Nhằm phát HUY nét MỸ HÒA huynh ĐỆ
Mục ĐÍCH ĐẠT AN BÌNH TỰ cõi THẾ
HUỠNG LỘãC Trời nhờ NGÓN HẠNH tinh TÂN
ĐƯỜNG MINH ĐỨC QUÍ hơn TRIỆU kim NGÂN
Lòng THÁNH KÍNH dưỡng tâm ĐIỀM LIÊM TỊNH
Việc hành THIỆN ĐÔNG NAM BẮC hưng THỊNH
Nhu QUYỀN UYÊN LƯU HƯƠNG XUYỀN CAO xa
Nhu YÊN TƯỚC VEN TƯỜNG cất tiếng ca
THÔNG bốn cõi DƯƠNG gian cùng tiên Cảnh

Hàng năm, về số Táo Quân mô tả sinh hoạt thế giới, đất nước và cộng đoàn. Trên 20 năm, mỗi năm Cha viết một bài ca về dài. Đọc lại thấy như những trang sử vui tươi. Thí dụ năm 1994, lớp Pháp văn và thư viện hoạt động mạnh:

Tiếng Pháp ú ớ
Có lớp ban ngày
Nếu cần học ngay
Có lớp ban tối
... Có phòng coi xinh
Là trang thư viện
Xếp đặt bày biện

So với những năm trước, năm 1999, lòng đạo giáo dân gia tăng nhờ những ngày lễ lớn, ơn gọi phát triển có người thành Sơ, có người "làm cha".

Lễ Lá chủ nhật
Kéo về hơn ngàn
Không mấy khó khăn
Hết cảnh chạy mướn
Tuần Thánh lễ lớn
Sốt sáng tham gia
"Xức dầu" tuổi già
Rửa chân các cụ
Vui chung cả xứ
Anh chị tân tông
Ba chục có hơn

Một ít trang viết về thơ của Cha Đình Đồng Thượng Sách, người viết có cảm tưởng là chưa nói được gì. Hay chỉ muốn nói trong thơ của ngài chất chứa nhiều tư tưởng phong phú, ấy là không kể đến lối kiến trúc lời văn, ngòi bút lưu loát và tinh tế, ngoài phạm vi bài này. Xin mời bạn đọc tìm đọc và thưởng thức tài nghệ của thi sỹ.

9. LÊ NGỌC HỒ

Ông Lê Ngọc Hồ sinh ngày 19-3-1948, tại Cát Tri, Hà Nam. Từ nhỏ được hấp thụ bằng nền giáo dục qua ca dao, thơ phú. Chính từ đó, có thể là mầm sinh và nguồn thơ của ông sau này. Ông đã từng hoạt động trong ngành truyền thông cho giáo phận Hà Nội. Ông tốt nghiệp cao học Hành Chánh và Chính Trị Kinh Doanh. Và làm việc trong ngành hành chánh cấp cao. Sau năm 1975, Ông định cư tại Washington, làm việc trong thư viện, ở Seattle. Song song với nghề nghiệp, Ông sinh hoạt báo chí và viết văn. Lê Ngọc Hồ đã xuất bản hơn 10 tác phẩm, trong đó tới phân nửa là thơ: *Anh Hùng Tử Đạo* (1987), *Tình Yêu và Quê Hương* (1988), *Ngợi Ca I* (1994), *Ngợi Ca II* (1995)...

Khuynh hướng thơ Ông rất bình dân, dễ hiểu, nhưng ý tưởng thâm sâu. Chủ đích thơ văn của ông là truyền bá đạo lý và phục vụ giáo dục. Chất thơ của Lê Ngọc Hồ nằm trong ý rất độc đáo “*Con Người Việt Nam là Con Thiên Chúa*”

Câu chuyện Chúa Giêsu gặp hai Môn Đệ trên đường Emmau (Lc 24, 13-33) được tác giả thấm nhuần tinh thần bác ái sâu xa.

*Có nhiều khi trong những nẻo đường đời
Ta đã từng gặp Chúa khắp nơi nơi...
Không biết, tại cửa hồn bung mắt lại
Kính Thánh viết mà sao tôi không thấy!
... Chính Chúa còn trong những kẻ tha hương
... Chúa khổ buồn trong những kẻ ngục tù
... Chúa ở luôn nơi hải tặc nạn nhân
... Chúa chính là nơi bao kẻ cô đơn
... Chúa lang thang nơi những kẻ không nhà,
Đám lũ hành kẻ lỡ bước đường xa
Con tiếp đón hay nhân tâm đóng cửa?
Với tất cả hay phân chia chọn lựa? (TRÊN ĐƯỜNG EMMAU)*

Trong bài “Một Ánh Sao” đưa mắt nhìn trời với ánh sao đêm, hiện thân cho tình yêu của Thiên Chúa với con người. Con người cần sát lại bằng tương trợ lẫn nhau.

*Trên trời lộng lẫy tinh cầu,
Từ đây dưới thế đẹp màu yêu thương.
Trên trời có ánh sao vương,
Tình dâng Thượng Đế hoa hương ngạt ngào.
Trên trời một sáng sao cao,
Tình thân chia sẻ hồn vào trần gian.
Trên trời ánh đẹp sao gần,
Hồi chuông bác ái tiếng ngân muôn đời.*

Thơ của Lê Ngọc Hồ đi vào thực tế, ít viễn vông hay trống rỗng. Nội dung thơ kêu gọi con người phải sống cao thượng hơn, xứng đáng là người có hồn bất diệt. Thí dụ như trong đêm Giáng Sinh, loài vật còn biết đến bái thờ Chúa Hài Đồng, mà con người lại thờ ơ hững hờ. Chúa bị sua đuổi. Thật chua xót.

*Chuyện hai ngàn năm trước
Rất lạ một vì sao
Chói ngời soi đỉnh tuyết
Cả muôn loài xôn xao...
Loài vật còn chiêm ngưỡng
Huống chi con người
Hắn nhìn về một hướng
Hong ân Chúa cứu đời. (CHIÊM NGƯỠNG VỊ SAO)*

Lê Ngọc Hồ viết nhiều về Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, với ý nêu cao ý chí anh hùng đã ghi vào sử xanh, nguyện xin cho dân tộc hạnh phúc ăm no.

*Hàng hàng lớp lớp đao binh
Chứng nhân cho Chúa nhiệt tình dâng cao.
Hoa dâng lộng lẫy máu đào
Niềm tin chất ngất đã vào tâm tư...*

Máu thiêng đã vẽ bóng hình,
Đã tô đậm nét trên tim não người.
Giáo dân nước Việt đáp lời
Theo gương tiền bối đời đời xin vâng.
(HÀNG HÀNG LỚP LỚP)

Tinh thần và nề nếp đạo đức của giao dân VN dù ở đâu, sớm chiều vẫn trung kiên với Thiên Chúa và Giáo Hội.

Bao nẻo đường thế giới
Khi người Việt đi tới
Đua nở những màu hoa
Niềm tin mùa hương mới.
Chân bết trời ánh sáng
Tim màu đẹp năm, tháng
Theo lối Chúa tình yêu
Trầm hương tình trong trắng.
Hoa tiến tình sáng tối
Tin, Cây, Mến bình tâm
Bài kinh chiều ca mới. (HOA TÍM BÁCH VIỆT)

Mẹ Maria là đề tài quen thuộc của các thi sỹ Việt Nam. Nhưng Lê Ngọc Hồ viết về Đức Trinh Nữ với cả tâm hồn. Bài "TruyệnTin" (Lc 1, 26-38), lột hết những rung cảm khi sáng tác.

Có nàng trinh nữ xinh
Như hoa sương bình minh
Đơn sơ và chân thật
Sớm, trưa, chiều dâng kính.
Thiên Chúa rất quyền thế
Ma rý nói Xin Vâng
Con đây là nô lệ...
Đây bài học xin vâng
Nếu một tấm gương vàng
Lời thiếu nữ bình dị
Xôn xao cả thiên đàng.

10. NGUYỄN TÂM THƯỜNG

Nguyễn Tâm Thường tên thật là Nguyễn Trọng Tước, sinh 1951, tại Bắc Ninh, là Linh Mục Dòng Tên, thụ phong năm 1989. Sau khi thụ phong Cha đi truyền giáo tại trại tỵ nạn Palawan, Phi Luật Tân, sau Cha về làm việc cho trung tâm Truyền Hình Kuangchi, tại Đài Loan. Hiện nay, Cha đang hoạt động mục vụ rất đặc lực cho Phong trào Linh Thao tại Hoa Kỳ. Linh mục viết văn xuôi hay thơ đạt yêu cầu tò mò của độc giả. Nguyễn Tâm Thường đã xuất bản trên 10 tác phẩm, có tác phẩm đã in lại tới 6 lần. Hai tập thơ: *Mùa Hoa Trên Thánh Giá Gõ*, CA.1994. *Tình Thơ Thập Giá*. Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp. CA. 1988. Đề tài xoay quanh Thánh Giá.

Thơ của tôi là tình thơ Thập Giá.
Lời thơ tôi khô khan như rào gai tượng đá
Vườn thơ tôi không có áo lụa thướt tha.
Không có sân trường thương đôi guốc nhỏ mận mà.
(TÌNH THƠ THẬP GIÁ)

Vì say mê Thập Giá, nên lý tưởng sống là: "Nếu Ngài muốn"

Ôi Thượng Đế nếu Ngài muốn như vậy
Tay tôi này Ngài hãy đóng danh đi
Đóng cho sâu còn ngăn ngại làm gì
Đóng thật chặt để biết rằng tôi chết.
Hỡi Thượng Đế này đây tôi trao hết

Tuổi hai mươi với kỷ niệm sân trường
Nắng thu về ấp ủ chuyện yêu đương
Lấy hết đi những gì Ngài muốn lấy... (NEU NGAI MUON)
... Tôi đã chọn viết chuyện tình thập giá
Thì tôi yêu những sáng đẹp mây hồng
Thì tôi yêu những sương phủ chiều đông
Như Thập Giá trên cánh đồng Do Thái
... Nhưng đời ạ cho dù đời lộng gió
Tôi sẽ đi dấu vấp ngã làm đường
Lời thập tự là chứng từ yêu thương
Tôi tin chắc có trăm nghìn tha thứ. (TOI SE DI)

Và tâm nguyện của thi sỹ không cao xa chỉ đơn giản như trong bài “Xin được làm con sâu tằm”.

Tôi không làm bướm bay trên cao
Cũng không có áo lụa hoàng đào khoe cùng bướm dâu
Tôi chỉ là con sâu
Biết duyên sắc của mình rất xấu
Nên âm thầm nguyện cầu nghìn đời.
Chỉ kết duyên cùng với vườn dâu.
Trung kiên và theo Chúa từ sáng cho đến chiều.

Con nhìn con trên quán trọ cuộc đời
Quá thừa khách mỗi người đi mỗi ngã
Chiều xám nặng ôi đường về thập giá
Bầy ngựa hồng đã rũ bả chân bon.

Con ngồi đây bên quán vắng chiều hôm
Trời mờ tối bên bia rìng tội lỗi
Con thấy sợ thấy bồi hồi bối rối
Quay ngựa về hay ruổi bóng trường chinh.

Rìng âm u quán trọ con một mình
Con thức mắc nhưng không lời đáp trả
Chúa như chết, chết trên thập giá
Chiều âm thầm chầu nặng một niềm thương.

Nếu tiếp tục lên đường về thượng trí
Đường thì dài mà lắm quăng hồ nghi
Lắm mưa mùa sa mù néo tương lai
Vó ngựa này có cuồng say mãi mãi.

Nhưng bỏ thầy đời con biết theo ai
Con hỏi nhỏ nghe lòng hiu quạnh giá
Đường siêu bạo ôi đường về thập giá
Chúa chẳng nhìn chẳng nói lặng thinh.

Trong cô đơn con tự hỏi lòng mình
Tình chỉ đẹp khi âm thầm đau khổ
Giang tay mãi trên gác lầu chuông gõ
Như thập giá nhện giăng phủ mặt mày.

Quán trọ buồn con mỗi một chiều nay
Ngựa lừng thừng chán chường từng bước nhỏ
Thấy trước mắt một đường đời lộng gió
Con u hoài nghi ngại quá Chúa ơi.
(CHIỀU BÊN QUÁN TRỌ)

Thơ của Nguyễn Tâm Thường dựa trên những nhân vật, sự việc tâm thường, lời văn đơn sơ. Nhưng công việc đã đem lại kết quả thật lớn đối với quần chúng, nhất là giới trẻ.

11. TRĂNG THẬP TỰ

Năm 1999, Trăng Thập Tự tuyển chọn và xuất bản tập “Góp Nhặt Thơ Công Giáo Việt Nam”, tập 1, gồm 230 bài thơ đủ loại tuyển chọn của 41 tác giả. Sách có Imprimatur của Đức Cha Phaolô Nguyễn Văn Hòa, Giám mục Nha Trang ký ngày 29-06-1999.

Xin chọn trích đăng tượng trưng 3 tác giả.

1) TRĂNG THẬP TỰ đã chọn 13 bài đem vào thi tập chung của nhiều tác giả: *Tạ ơn* (1978), *Chào đời* (1978), *Eva* (1980), *Ra đời* (1978), *Tâm sự*, *Sau phút tìm mình* (1978), *Cha* (1987), *Cánh đồng* (1972), *Diễm ca* (1984), *Ghetsemani* (1991), *Người bị đóng đinh* (1987), *Rèm thưa*, và *Dung dăng Dung dề* (1997).

“Cánh Đồng” là bài thơ diễn tả tâm tình truyền giáo, khát vọng đứng trước “cánh đồng lúa chín mà thiếu thợ gặt”.

*Khi chiều về rất đổi vội vàng
Cánh đồng còn bẽ bộn
Ta bỗng mơ tay được nối dài
Ta bỗng thêm mặt trời đứng lại
Để ta gặt cho đầy
Để ta góp cho hết
Dem lúa thơm về trước đêm đen.*

*... Ta vẫn nuôi trong ta một hoài bão lớn
... Và bắt gặp những nụ cười
Có chung hoài bão lớn
Cùng nhau ôm cả một cánh đồng
Sẽ gặt kịp trước khi chiều đến. (tr. 243)*

Những dòng thơ của Trăng Thập Tự nặng tình biết ơn, say mê, và chấp nhận khổ đau để cảm thương Chúa Giêsu đau khổ.

*Ôi Thiên Chúa đêm nay Ngài khóc
Đêm nay Ngài trần trọc trong tôi...
Chén đắng dầu ngậm cười vẫn đắng
Đêm mệnh mang, đêm lắng xuống hồn...
Đêm sinh tự địa đàng khép cửa,
Đêm vô hình chất chứa lòng ai!
Mình trăng tự lự đêm dài,
Mục sương giấy lá chép bài kinh khuya. (GHETSĒMANI)*

2) ĐÌNH BẢNG có 7 bài đăng trong tuyển tập thơ này: Có ai về thôn Vỹ, Kinh cáo mình, Lời khẩn nhỏ chiều chúa nhật, Mộ khúc, Trăm năm tro bụi về đâu, Em lên đền thánh và Hãy xé lòng tôi đừng xé áo.

Tâm tình hối lỗi của “Mùa Chịu Nạn” trong bài “Hãy xé lòng tôi đừng xé áo”.

*Hãy xé lòng tôi tan ra như xác pháo.
... Hãy ướp lòng tôi trong muối
... Hãy xé lòng tôi, tơ vò trăm mối
... Hãy xé lòng tôi như cọng rơm gốc rạ
Nnhư cây nhang tắt ngấm nguôi tàn
Lạy Chúa Trời, đến bao giờ đá nát vàng tan
Cho tôi sực nhớ ra mình, con-chim-lià-tổ
Hãy cột dây và điệu tôi đi vòng quanh phố chợ*

Gặp từng người xin đấm ngực ăn năn. (trang 60)

Ước ao tâm hồn trong trắng, sạch bợn nhơ để thành thoi dưới tháp chuông giáo đường.

*Hồn tôi, một cánh đồng không
Lay Trời mưa xuống thành sông thành ngòi.
Hồn tôi nghìn mũi kim khâu
Sợi thưa, thưa mãi, sợi mau, mau dần.
Hồn tôi một mảnh gương tan...
Hồn tôi rậm rịt hoang vu,
Năm nghe đá mọc thiên thu đợi Người.
Hồn tôi mấy ngọn sấu đông,
Rụng rơi tàn tạ còn mong nổi gì.
... Tiếng chuông thêm thiếp bên kia giáo đường. (KINH CÁO MÌNH)*

3) XUÂN VÂN đóng góp 11 bài, ý thơ rút từ Thánh Kinh Tân Ước: Lời hằng sống, Chúa Giêsu giáng sinh, Tiệc cưới Cana, Mạc khải cho người bé mọn, Cỏ lùng, Kho tàng và viên ngọc, Dụ ngôn người trinh nữ, Phép lạ hóa bánh lân đầu, Chúa chết trên Thánh giá, Đức Mẹ khóc con, Chúa lên trời.

Sứ vụ của Gioan Tiền Hồ là loan báo dọn đường cho Chúa Giêsu đến.

*Gioan có lần chứng minh không đố kỵ:
Người đến sau mà cao trọng hơn tôi,
Từ đời đời Người đã có trước rồi
Tôi không đáng xách giày Người đâu nhé!
Là Thiên Chúa, là Ngôi Lời Nhập Thể,
Người quyền uy và sung mãn biết bao!
Được thông phần nguồn ân phúc dồi dào,
Ta lãnh nhận ơn này qua ơn khác. (LỜI HẰNG SỐNG)
Thiên Chúa giàu tình thương và luôn sẵn sàng tha thứ.*

*- Có người xin dọn ruộng nhà
Chủ rằng: Đùng vội! Chẳng thà để yên.
Lúa và cỏ sẽ lớn lên
Tạm thời để đó chẳng nên nhỏ lắm. (CỎ LÙNG)*
*- An-rê bỗng cất tiếng thưa:
Bánh còn năm chiếc, cá thừa hai con...
Chúa nhìn lên cõi trời mây
Một tay cầm bánh, một tay chúc lành.
Bẻ ra chia khắp chúng sanh,
Xếp ngồi trên bãi cỏ xanh từng đoàn.
Trẻ già trên dưới năm ngàn,
No nê hương vị ân ban dồi dào. (PHÉP LẠ HÓA BÁNH LÂN ĐẦU)*

KẾT LUẬN

Với đề tài trên có thể viết dài hơn. Nhưng thời gian sưu tập tài liệu có hạn, với số lượng bài thơ quá nhiều, đa dạng và vô cùng phong phú. Vườn thơ Công Giáo rộng mênh mông, muôn màu muôn sắc. Càng viết càng thấy thiếu sót. Chúng tôi xin tạm ngưng ở đây với lời minh xác : *Việc xếp loại hay đánh giá các nhà thơ mới (ở phần III) cần phải có thời gian lâu dài, do “hội đồng” của các nhà văn, nhà phê bình, biên khảo. Chúng tôi là người đọc, đầu thập ghi lại trong những tài liệu sẵn có, lại quá ít. Còn nhiều thi sỹ mà chúng ta chưa ghi vào đây. Xin nhận nơi đây sự thiếu sót ngoài ý muốn này.*

Chúng tôi xin được phép đưa ra một số nhận xét chủ quan để kết thúc bài này:

Thơ công giáo Việt Nam luôn có tính cách thời sự. Những biến cố gì mới, những thay đổi từ cá nhân, trong gia đình, xứ đạo, đến giáo phận hay liên quan đến Giáo Hội hoàn vũ, đều được các thi sỹ ghi ngay và ghi trung thực. Nên các tập thơ cũng là những trang sử đẹp của Giáo Sử hoàn vũ và Việt Nam.

Chính vì vậy, thơ công giáo Việt Nam lúc nào cũng mang hình ảnh, dáng vóc, tính tình con người Việt Nam. Đọc thơ lên, cảm thấy mình nhẹ nhàng kín đáo... dễ rung cảm nhạy bén. Chẳng hạn đọc một bài thơ ngắn, người ta dễ nhớ cả một giai đoạn lịch sử dài. Điềm hay của thơ và tài của thi sỹ ở chỗ đó.

Các bài học giáo lý được viết theo đủ loại thơ cho dễ đọc dễ nhớ. Nhiều người không am tường Phúc Âm nhưng đã thuộc nhiều bài thơ, ca về nội dung của Thánh Kinh, những bài giáo lý căn bản. Người tín hữu ít học, đơn sơ chất phát đã sống đạo theo nội dung những bài thơ này.

Tinh thần Phúc Âm được các thi sỹ thuần nhâm và là nguồn cảm hứng sáng tác. Phân nửa các bài thơ nội dung lấy từ Thánh Kinh. Các Thánh Vịnh được biến dạng thành kinh nguyện hợp với tinh thần Á Đông. Những bài thơ ngắn viết về dụ ngôn, Mười Điều Răn, phúc đức dễ in sâu vào đầu óc dân trí hơn một bài giảng dài.

Một số bài thơ đã là đề tài cho sáng tác và phổ nhạc. Tiến tới mức độ cao hơn là thơ và nhạc kết hợp hài hòa. Cung đàn tiếng hát vang vọng ý thơ trong giờ phụng cộng đồng, dễ nâng lòng khấn nguyện, cầu kinh.

Tất cả những yếu tố trên tác thành thi ca Công Giáo Việt Nam, thực tế đã giúp rất nhiều tring việc tăng lòng đạo đức và tinh thần, ý chí truyền giáo của giáo dân Việt Nam.

Đến đây, xin được phép ghi lại trách nhiệm chung của người cầm bút mà Công Đồng Vatican II đã vạch ra trong sứ điệp gửi giới văn nghệ sỹ, vào dịp bế mạc, ngày 08-12-1965.

Giờ đây, chúng tôi xin ngõ lời với quý vị văn nghệ sỹ, những người say mê và phục vụ cái đẹp : Quý vị là những thi sỹ, văn sỹ, họa sỹ, điêu khắc gia, kiến trúc sư, nhạc sỹ, diễn viên cũng như chuyên viên kịch nghệ và điện ảnh... Qua tiếng nói của chúng tôi, Công Đồng Giáo Hội xin ngõ lời với toàn thể quý vị: nếu yêu chuộng nghệ thuật chân chính thì quý vị là bạn hữu của chúng tôi.

Đã từ lâu, Giáo Hội liên kết với quý vị. Quý vị đã xây dựng và trang hoàng những đền thờ, suy tôn các tín điều, làm giàu cho phụng vụ của Giáo Hội. Quý vị đã giúp đỡ Giáo Hội diễn tả sứ điệp thánh của mình ra ngôn ngữ hình thể và sắc thái, khiến cho thế giới vô hình có thể được cảm nhận.

Ngày nay cũng như trong quá khứ, Giáo Hội vẫn cần quý vị và hướng về quý vị. Qua tiếng nói của chúng tôi, Giáo Hội ngõ lời cùng quý vị: xin đừng để tan vỡ mối liên kết phong phú tuyệt vời. Xin đừng chối từ đem tài năng ra phụng sự chân lý Thiên Chúa. Xin đừng đóng cửa tinh thần quý vị trước hơi thở của Thánh Thần Chúa !

Thế giới chúng ta sống ngày nay đang cần đến cái đẹp để khỏi chìm đắm vào thất vọng. Cái đẹp, cũng như sự thật mang lại niềm vui cho tâm hồn con người, đó chính là hoa trái quý giá không tàn úa vì thời gian nhưng nối kết các thế hệ lại và làm cho họ thông cảm nhau khi tán phục nhau. Công trình ấy là do bàn tay của quý vị...

Ước mong những bàn tay ấy được thanh sạch, vô vị lợi ! Xin hãy nhớ rằng quý vị là những người bảo vệ cái đẹp trong thế giới: Mong rằng chỉ điều đó cũng đủ khiến quý vị vượt qua những thị hiếu phù du không có giá trị đích thực, đủ khiến quý vị tránh tìm những lối diễn tả dị kỳ và bất nhã.

Ước chi lúc nào và chỗ nào quý vị cũng vẫn xứng đáng với lý tưởng mình để rồi xứng đáng với Giáo Hội, mà ngày hôm nay qua tiếng nói chúng tôi, xin gửi đến quý vị sứ điệp thân hữu, cứu độ, ân phúc và chúc lành. (Bản dịch của Giáo Hoàng Học Viện Pio X)

Nhà thơ Công Giáo khác nào như một ký giả, như lời Thách Giáo Hoàng Gioan Phaolô II nhấn nhủ trong buổi tiếp kiến phái đoàn Hiệp Hội Báo Chí Công Giáo (UCIP) nhân dịp kỷ niệm 75 năm thành lập, tại Vatican ngày 6-12-2002 : *Đặc tính nổi bật mà ký giả (nhà thơ) Công Giáo phải có. Đó là một người thanh liêm. Đời sống bản thân và nghề nghiệp của họ phản ánh của Chúa Kitô và Tin Mừng. Họ cố gắng tranh đấu cho cho lý tưởng nghề nghiệp. Đồng thời cũng là người cầu nguyện, luôn tìm cách trao ban những điều tốt đẹp nhất, có can đảm kiếm tìm và thông truyền sự thật, cả khi sự thật ấy bất tiện hoặc không được coi là “đường dẫn về chính trị”. Điều đó có nghĩa là ký giả (nhà thơ) Công Giáo không phải chỉ tường thuật những tội ác và tai ương, nhưng còn nói về*

những hoạt động tích cực xây dựng xã hội, những sáng kiến bênh vực người nghèo, bệnh nhân, người tàn tật, kẻ yếu thế và những người bị xã hội lãng quên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- XUÂN LY BĂNG, *Tuyển Tập thơ Xuân Ly Băng. 1999; Bài ca Thương Khó, 1999*
MINH CHÂU, *Nhớ Thương (1990). Quê Hương Là Tình (1991). Thi Họa Hương Lòng (1997)*
PHƯƠNG DU, *Bảng Thi Nhạc Tình Thương 1 và 2. Tha Hương (1986). Tình Thương (1991). Tình Thương 2 (1993). Hoa Tâm (2002).*
TRẦN ANH DŨNG, *Tiểu sử và thư mục Đức Cha Hồ Ngọc Cẩn (1876-1948). Paris 2000.*
TRẦN ANH DŨNG, *Hàng Giáo Phẩm Công Giáo Việt Nam. Paris 1996*
NGUYỄN GIA ĐỀ, *Trần Lục. Canada, 1996*
ĐOÀN KHOÁCH, *Sân Đình Thi Tập của J.M. Thích. 2001, USA.*
TRẦN THANH MẠI, *Hàn Mạc Tử (1912-1940). 1941. USA tái bản.*
LM. LÊ XUÂN MĂNG, *Poèmes, 1994. Dâng Mẹ 1998; Thơ, Toulouse 1999; Nhờ có Mẹ, 1999..*
LM. CAO VĨNH PHAN, *Trường ca Dân Chúa. Thụy sỹ tái bản 1994.*
VÕ THANH TÂM, *Hương Xuân, 1999.*
NGUYỄN TÂM THƯỜNG, *Mùa Hoa Trên Thánh Giá Gõ. CA.1994; Tình Thơ Thập Giá. Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp. CA. 1988.*
TRĂNG THẬP TỰ. *Góp Nhặt Thơ Công Giáo Việt Nam. Tập 1. Tòa giám mục Nha Trang, Thuận Hóa. 1999.*
PETRUS VŨ ĐÌNH TRÁC, *Công Giáo Việt Nam trong truyền thống văn hóa dân Tộc. Orange. CA. 1996.*
VÂN UYÊN, *Những Vân Lưu Niệm (1996), Tình Thơ (1997) và Duyên Kiếp Thiên Tình (1999).*
Tuần báo Nam Kỳ Địa Phận, Sài Gòn, Tân Định. Các năm 1912, 1913, 1914, 1915, 1916, 1923, 1929... và năm cuối cùng 1945.
Nguyệt san Giáo xứ Việt Nam, Paris, bộ mới từ 1984 đến 2003, có bài của CUNG CHI, LƯƠNG NHI TỬ và CHỖI CÙN GIÁO XỨ.